

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 837/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 17 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp giấy chứng nhận cho các sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học
cấp đơn vị năm học 2022-2023 (Đợt 1)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-HĐTr (KH) ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 140/KH-ĐHTDM ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Kế hoạch hoạt động Khoa học và Công nghệ năm học 2022 – 2023;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2022 – 2023 (Đợt 1) của các đơn vị;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học và Lãnh đạo các khoa/viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cho các sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp đơn vị năm học 2022 – 2023 đã được nghiệm thu và có kết quả Đạt (gồm 278 đề tài có danh sách kèm theo).

Điều 2: Phòng Khoa học phối hợp với các đơn vị có liên quan cấp Giấy chứng nhận cho sinh viên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Khoa học, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Lãnh đạo Trường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KH.



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên cấp đơn vị năm học 2022-2023 được cấp Giấy chứng nhận (Đợt 1)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 854 /QĐ-ĐHTDM ngày 17 tháng 7 năm 2023)

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
1.	Tối ưu hóa công suất pin năng lượng mặt trời cho hệ thống chiếu sáng tự dùng	Phan Thành Công Trịnh Mạnh Vũ	2125202160204 2125202160008	D21DKTD01 D21DKTD02	TS. Ngô Sỹ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	65,0	Khá
2.	Phương pháp MPPT cải tiến sử dụng mạch buck cho phụ tải độc lập	Đỗ Tiến Thành Trương Thành Danh	2125202160006 2125202160024	D21DKTD01 D21DKTD01	TS. Ngô Sỹ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	68.66	Khá
3.	Tối ưu vị trí nguồn điện phân tán nhằm giảm tổn thất trên lưới điện phân phối	Hán Thị Thanh Ngọc Lê Trung Nguyên	2125202010200 2125202010144	D21KTDI01 D21KTDI01	TS. Trần Văn Thành	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	79.33	Khá
4.	Hệ thống điều hướng pin năng lượng mặt trời dùng động cơ bước	Nguyễn Nhật Trí Hồ Kiều Minh Thư	2125202160178 2125202160032	D21DKTD01 D21DKTD01	ThS. Nguyễn Cao Trí	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	65,0	Khá
5.	Cân động hiệu suất cao dùng Loadcell công nghiệp	Nguyễn Hoàng Tân Nguyễn Minh Thái	1925202010035 1925202010135	D19DT01 D19DT01	ThS. Nguyễn Thành Đoàn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	67.7	Khá
6.	Lập trình hệ thống giám sát tiết kiệm năng lượng cho mô hình nhà xưởng bằng mạng truyền thông Modbus RTU	Nguyễn Trần Gia Khánh Nguyễn Đăng Khoa	1925202010007 1925202010019	D19DT01 D19DT01	ThS. Nguyễn Thành Đoàn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	71.7	Khá
7.	Truyền thông PLC S7 - 1200 với arduino điều khiển cân động	Trần Đình Trọng Nguyễn Ngọc Đại Dương	1925202010075 1925202010094	D19DT01 D19DT01	ThS. Nguyễn Thành Đoàn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,0	Khá
8.	Điều khiển và giám sát trạm MPS phân loại sản phẩm sử dụng PLC S7 - 1200	Trần Duy Nhất Đặng Bảo Duy	1925202010017 1925202010020	D19DT01 D19DT01	ThS. Nguyễn Thành Đoàn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	84,7	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
9.	Thiết kế giao diện web server điều khiển và giám sát hệ thống trộn hóa chất sử dụng PLC S7 - 1200	Phạm Thế Hiển Nguyễn Huy Nhất	1925202010027 1925202010125	D19DT01 D19DT01	ThS. Nguyễn Thành Đoàn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,0	Khá
10.	Điều khiển giám sát cánh tay Robot gấp hàng bằng hệ thống Scada	Hứa Thanh Hải Đặng Bảo Duy	2025202010053 1925202010020	D20KTDI02 D19DT01	ThS. Ngô Thanh Đông	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,0	Khá
11.	Thiết kế thi công mô hình chiết rót, đóng nắp chai giám sát qua webserver	Hồ Tấn Dương Hồ Hoàng Duy Nguyễn Hoài Linh	1825202010054 1825202010053 1825202010066	D18DT01 D18DT01 D18DT01	ThS. Nguyễn Phương Trà	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	81,0	Tốt
12.	Thiết kế thi công hệ thống lưu kho tự động sử dụng PLC S7 - 1200	Võ Trần Tỷ Nguyễn Sơn Long Đỗ Trần Tấn Phát	1925202010153 1925202010059 1925202010128	D19DT02 D19DT02 D19DT02	ThS. Nguyễn Phương Trà	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	56,3	Đạt
13.	Thiết kế thi công mô hình phân loại sản phẩm sử dụng LabVIEW	Thái Quang Vinh Nguyễn Công Thành Đạt Võ Hoàng Quân	1925202010155 1925202010058 1925202010021	D19DT02 D19DT02 D19DT02	ThS. Nguyễn Phương Trà	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	80,0	Tốt
14.	Thiết kế thi công mô hình tưới nước tự động cho vườn dâu tây sử dụng PLC S7 - 1200	Nguyễn Quốc Trung Nguyễn Trần Quốc Anh Trần Văn Phương	1925202010055 1925202010084 1925202010022	D19DT02 D19DT02 D19DT02	ThS. Nguyễn Phương Trà	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	69,0	Khá
15.	Xây dựng mô hình thực hành PLC Delta và màn hình HMI	Nguyễn Tấn Quỳnh Trần Trọng Danh Nguyễn Tấn Huỳnh	1925202010026 1925202010089 1925202010113	D19DT02 D19DT02 D19DT02	ThS. Phạm Hồng Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	61,0	Đạt
16.	Thiết kế và lắp đặt tủ điện chiếu sáng công cộng thông minh	Phạm Trung Hiếu	1825202010147	D18DT03	ThS. Phạm Hồng Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	73,7	Khá
17.	Hồ ương tạo cá giống thông minh	Trần Tấn Đạt	2025202010095	D20KTDI02	ThS. Trịnh Quốc Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	51,7	Đạt
18.	Mô hình phòng học thông minh	Hoàng Quốc Bảo Phạm Minh Danh	2025202160121 2025202160127	D20DKTD01 D20DKTD01	ThS. Trịnh Quốc Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	52,0	Đạt
19.	Mô hình giám sát kệ hàng hóa thông minh	Nguyễn Minh Phương Trần Đức Duy	2125202070055 2125202010123	D21DVT01 D21KTDI01	ThS. Trịnh Quốc Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	63,3	Đạt
20.	Đồng hồ theo dõi sức khỏe thông minh	Đinh Xuân Hoàng Phạm Đình Huân	2125202160010 2125202160188	D21DKTD02 D21DKTD02	ThS. Trịnh Quốc Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	51,3	Đạt
21.	Thiết kế mô hình giám sát môi trường nông nghiệp sử dụng	Nguyễn Minh Hiếu	1825202010022	D18DT01	ThS. Trịnh Quốc Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	80,7	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	dụng vi điều khiển và giao thức LoRa							
22.	Nghiên cứu điều khiển robot arduino dò line và tránh vật cản	Trần Thị Thanh Hòa	2125202160152	D21DKTD01	ThS. Nguyễn Văn Bình	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	58,7	Đạt
23.	Thiết kế hệ thống chẩn đoán lỗi thứ tự màu của cáp kết nối trong công nghiệp dùng xử lý ảnh	Hà Văn Hiếu	2025202160108	D20DKTD01	ThS. Nguyễn Văn Bình	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	56,0	Đạt
24.	Chế tạo hệ thống làm lạnh nước ứng dụng cho bể cá	Trần Vương Chương	2025202010179	D20KTDI01	ThS. Nguyễn Anh Vũ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	68,0	Khá
25.	Ứng dụng IoT điều khiển màu đèn LED pha 50W	Huỳnh Trương Anh Quốc	2025202010194	D20KTDI01	ThS. Nguyễn Anh Vũ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	68,0	Khá
26.	Điều chỉnh tự động hệ thống chiếu sáng cho phòng học	Trương Thành Danh Đỗ Tiến Thành	2125202160024 2125202160006	D21DKTD01 D21DKTD01	ThS. Nguyễn Cao Trí	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	85,0	Tốt
27.	Thiết kế hệ thống quản lý sách cho thư viện	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	1925202160027	D19DK01	ThS. Thân Đức Trường	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	71,67	Khá
28.	Thiết kế và thi công mô hình thu thập dữ liệu kho thực phẩm	Lê Trọng Tài	1925202160060	D19DK01	ThS. Thân Đức Trường	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	68,67	Khá
29.	Thiết kế và thi công mô hình khoá thẻ từ thông minh	Tạ An Đông	1925202160078	D19DK01	ThS. Thân Đức Trường	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	64,3	Đạt
30.	Thuật toán pid ổn định mực nước bằng Arduino	Trần Xuân Huy Lê Anh Tuấn Đỗ Văn Thiện	1925202010016 1925202010010 1925202010053	D19DT01 D19DT01 D19DT01	ThS. Ngô Thanh Đông	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	74,33	Khá
31.	Số hóa cơ sở vật chất và xây dựng website hỗ trợ công tác kiểm kê tài sản tại các phòng học của Đại học Thủ Dầu Một	Trần Văn Đức Nguyễn Anh Tú	2024802010403 2024802010056	D20CNTT01 D20CNTT01	ThS. Võ Quốc Lương	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	85,0	Tốt
32.	Xây dựng Website quản lý đề tài Nghiên cứu khoa học của sinh viên	Nguyễn Ngọc Quý Lương Tuấn Kiệt Đặng Văn Bình	2024802010282 2024802010433 2024802010219	D20CNTT01 D20CNTT01 D20CNTT01	ThS. Võ Quốc Lương	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	75,0	Khá
33.	Xây dựng ứng dụng quản	Phạm Minh An	2024802010378	D20CNTT02	ThS. Trần Văn Tài	Viện Kỹ thuật	85,0	Tốt



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	lý tài sản tdmu áp dụng công nghệ metaverse					– Công nghệ		
34.	Công cụ hỗ trợ trích dẫn trên desktop	Nguyễn Phạm Minh Triết	1924801030011	D19PM02	ThS. Trần Văn Tài	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	81,7	Tốt
35.	Ứng dụng quản lý CLB IT trường Đại học Thủ Dầu Một	Đoàn Thị Ngọc Mai Nguyễn Minh Thắng Nguyễn Phạm Minh Triết	2024802010447 2124802010319 1924801030011	D20CNTT02 D21CNTT05 D19PM02	ThS. Trần Văn Tài	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	72,0	Khá
36.	Phát triển ứng dụng tra cứu điểm thi trung học phổ thông quốc gia qua các năm	Lê Tuấn Kiệt Nguyễn Thị Thu Huyền	2124802010277 2124802010050	D21CNTT01 D21CNTT01	ThS. Trần Văn Tài	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	73,3	Khá
37.	Xây dựng ứng dụng so sánh giá sản phẩm	Đặng Bá Quốc Trung	2124802010316	D21CNTT01	ThS. Trần Văn Tài	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	63,0	Đạt
38.	Xây dựng game phiêu lưu cuộc phiêu lưu của ryzen áp dụng công nghệ unity	Nguyễn Đức Cường Phan Tiến Duy	2024802010386 2024802010394	D20CNTT03 D20CNTT02	ThS. Trần Văn Tài	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	65,0	Khá
39.	Xây dựng hệ thống Quản lý nhân sự	Nguyễn Văn Trường Nguyễn Thị Thảo Nguyên Bùi Hoàng Huy	2024802010261 2024802010456 2024802010065	D20CNTT02 D20CNTT02 D20CNTT02	ThS. Nguyễn Trung Vũ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	73,3	Khá
40.	Xây dựng website quản lý Quán Karaoke	Bùi Hoàng Huy Nguyễn Văn Trường Nguyễn Minh Mẫn	2024802010065 2024802010261 2024802010090	D20CNTT02 D20CNTT02 D20CNTT02	ThS. Nguyễn Trung Vũ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,6	Khá
41.	Xây dựng phần mềm quản lý phòng khám đa khoa	Nguyễn Trường Giang	2124802010382	D21CNTT05	ThS. Nguyễn Trung Vũ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	66,7	Khá
42.	Xây dựng Hệ thống quản lý xe Bus tỉnh Bình Dương	Hoàng Phan Thủy Dương Đặng Trọng Đại Lê Thanh Phương	2024802010040 2024802010398 2024802010231	D20CNTT04 D20CNTT04 D20CNTT04	ThS. Nguyễn Trung Vũ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	66,3	Khá
43.	Xây dựng hệ thống nhận dạng nguồn gốc sản phẩm dựa trên nền tảng blockchain	Trần Bùi Quang Huy Võ Văn An	2124801030189 2124801030171	D21KTPM01 D21KTPM01	ThS. Trần Văn Hữu	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	95,0	Xuất sắc
44.	Xây dựng Website Hỗ Trợ Học Tin Học	Hoàng Ngọc Cảnh Nguyễn Thị Thùy Trang	2024801030162 2024802010319	D20KTPM01 D20CNTT01	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	74,0	Khá
45.	Xây dựng website quản lý rạp chiếu phim tại Bình Dương	Nguyễn Minh Mẫn Bùi Hoàng Huy Nguyễn Văn Trường	2024802010090 2024802010065 2024802010261	D20CNTT02 D20CNTT02 D20CNTT02	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	85,7	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
46.	Xây dựng website quản lý sơ yếu lý lịch cho sinh viên Viện Kỹ Thuật – Công Nghệ	Võ Hoàng Ân	2124802010591	D21CNTT01	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	74,1	Khá
47.	Xây dựng ứng dụng di động giúp người học luyện nói tiếng Anh	Ngô Văn Hiếu	1924801030101	D19PM03	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	85,6	Tốt
48.	Xây dựng ứng dụng quản lý căn hộ chung cư	Lê Văn Huy	2024801030150	D20KTPM01	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	72,6	Khá
49.	Xây dựng công cụ hỗ trợ và quản lý công văn cho cán bộ, giảng viên trường đại học Thủ Dầu Một	Lê Quang Ngọc Nguyễn Nhật Minh	1924801030098 1924801030219	D19PM02 D19PM02	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	78,0	Khá
50.	Xây dựng Website tìm kiếm nhà trọ cho sinh viên	Nguyễn Gia Ân Thái Văn Hiệp Lê Văn Huy	2024801030185 2024801030002 2024801030150	D20KTPM01 D20KTPM01 D20KTPM01	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	74,0	Khá
51.	Xây dựng website số hóa thư viện trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Văn Duy Đào Văn Thanh	2024801030121 2024801030237	D20KTPM02 D20KTPM02	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	86,3	Tốt
52.	Xây dựng Website quản lý đề tài báo cáo tốt nghiệp cho trường Đại học Thủ Dầu Một	Trần Trung Thăng Nguyễn Duy Toàn	2024801030146 2024801030120	D20KTPM02 D20KTPM02	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	80,7	Tốt
53.	Xây dựng Website tìm kiếm việc làm cho trung tâm giới thiệu việc làm Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Văn Tài Nguyễn Tiểu Long	2024801030214 2024801030158	D20KTPM02 D20KTPM02	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	68,3	Khá
54.	Xây dựng ứng dụng di động quản lý ngân hàng máu	Nguyễn Thị Thùy Trang Hoàng Ngọc Cảnh	2024802010319 2024801030162	D20CNTT01 D20KTPM01	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	74,7	Khá
55.	Xây dựng Website hỏi đáp hỗ trợ học tập cho sinh viên Viện Kỹ Thuật Công Nghệ trường Đại Học Thủ Dầu Một	Ngô Văn Hưng Hoàng Đức Bình Phạm Nguyên Vũ	2024801030009 2024801030043 2024801030052	D20KTPM01 D20KTPM01 D20KTPM01	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	71,7	Khá
56.	Xây dựng Website cơm nhà	Hoàng Đức Bình	2024801030043	D20KTPM01	ThS. Nguyễn Hữu Vĩnh	Viện Kỹ thuật	73,6	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	làm	Phạm Nguyên Vũ Ngô Văn Hưng	2024801030052 2024801030009	D20KTPM01 D20KTPM01	Vĩnh	– Công nghệ		
57.	Xây dựng ứng dụng lớp học ảo phục vụ học tập tại TDMU	Nguyễn Văn Minh Phạm Minh An	2124802010126 2024802010378	D21CNTT06 D20CNTT02	ThS. Nguyễn Tấn Lộc	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	80,0	Tốt
58.	Xây dựng website quản lý cửa hàng thú cưng	Trần Minh Tuấn	2024802010507	D20CNTT02	ThS. Nguyễn Danh Minh Trí	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	72,0	Khá
59.	Website chuyển nhượng chăm sóc cây cảnh	Chu Bá Trường Nguyễn Bích Trâm	2024802010126 2024802010492	D20CNTT02 D20CNTT02	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	66,0	Khá
60.	Website quản lý nhà trọ	Nguyễn Bích Trâm Chu Bá Trường	2024802010492 2024802010126	D20CNTT02 D20CNTT02	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	68,0	Khá
61.	Xây dựng ứng dụng mạng xã hội TDMU	Nguyễn Tấn Tài Nguyễn Quốc Dũng	2124802010067 2124802010008	D21CNTT05 D21CNTT05	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	78,0	Khá
62.	Hệ thống thu phí tự động	Nguyễn Văn Trung Nguyễn Phạm Minh Triết	1925202160041 1924801030011	D19DK01 D19 PM02	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	87,0	Tốt
63.	Xây dựng ứng dụng vẽ bối cảnh, thiết kế model nhân vật	Lê Triều Phương Hiếu	2124802010360	D21CNTT05	ThS. Trần Cẩm Tú	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	65,3	Khá
64.	Phát triển game 2D rắn sắn mồi	Nguyễn Thành Nhân Võ Nguyễn Hoàng Vinh Nguyễn Trung Đức	2124802010059 2124802010411 2124802010380	D21CNTT05 D21CNTT05 D21CNTT05	ThS. Trần Cẩm Tú	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	64,3	Đạt
65.	Phát triển game 2D thẻ loại đối kháng	Nguyễn Hoàng Bảo Vương Lê Triều Phương Hiếu Nguyễn Minh Khiêm	2124802010110 2124802010360 2124802010024	D21CNTT05 D21CNTT05 D21CNTT01	ThS. Trần Cẩm Tú	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	64,3	Đạt
66.	Ứng dụng thuật toán Least Mean Square (LMS) cho bài toán cực tiểu hoá sai số của mô hình Logistic mô phỏng độ dài lá Lan Hồ Điệp	Phạm Thái Bảo	2024802050007	D20TTNT01	TS. Hoàng Mạnh Hà	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	86,0	Tốt
67.	Xây dựng mô hình dự đoán mức độ nghiêm trọng của bệnh viêm phổi bằng AI	Lâm Quang Huy	1924801040051	D19HT01	ThS. Dương Thị Kim Chi	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	75,0	Khá
68.	Xây dựng Website quản lý Bệnh nhân cho Bệnh viện	Lê Đặng Ngọc Hiệp Lê Đức Việt Anh	2024801040002 2024801040060	D20HTTT01 D20HTTT01	ThS. Trần Bá Minh Sơn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	75,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	758							
69.	Xây dựng website quản lý bác sĩ cho bệnh viện 758	Cao Thành Ty Nguyễn Hữu Luân	2024801040022 2024801040061	D20HTTT01 D20HTTT01	ThS. Trần Bá Minh Sơn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	73,0	Khá
70.	Xây dựng Website quản lý khách hàng cho Ghét Áu Store	Nguyễn Thị Thùy Trang Lê Thị Ngọc Tú	2024801040014 2024801040055	D20HTTT01 D20HTTT01	ThS. Trần Bá Minh Sơn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	73,0	Khá
71.	Xây dựng ứng dụng quản lý bệnh viện 758	Nguyễn Văn Kết	1924801040083	D19HT02	ThS. Trần Bá Minh Sơn	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	88,0	Tốt
72.	Dự đoán hình dạng hộp sọ người để hỗ trợ quyết định cho việc phục hồi chức năng khuôn mặt	Phạm Thái Bảo	2024802050007	D20TTNT01	ThS. Hồ Ngọc Trung Kiên	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,0	Khá
73.	Ứng dụng học máy dự đoán khả năng nghỉ học của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Hữu Nghĩa	2124802050013	D21TTNT01	ThS. Hồ Ngọc Trung Kiên	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	71,0	Khá
74.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng việc chọn ngành của sinh viên ngành Công nghệ thông tin	Trần Thị Bích Ngọc Ninh Minh An	2024801040025 2024801040008	D20HTTT01 D20HTTT01	ThS. Nguyễn Thị Thùy	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	76,0	Khá
75.	Xây dựng Website hỗ trợ học sinh phổ thông tra cứu thông tin tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trương Bồ Quốc Thắng	2124801030076	D21KTPM02	ThS. Nguyễn Thị Thùy	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	77,0	Khá
76.	Thiết kế, chế tạo mô hình máy cắt dừa nước	Nguyễn Trọng Linh Trần Trung Trực	2125201140023 2125201140008	D21CODT01 D21CODT01	ThS. Huỳnh Minh Phú	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	54,3	Đạt
77.	Thiết kế, chế tạo hệ thống khởi động bằng vân tay	Phạm Thái Bình Nguyễn Minh Phát	1925102050001 1925102050039	D19OT01 D19OT02	ThS. Phạm Việt Hưng	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	67,3	Khá
78.	Thiết kế xe máy điện dựa trên nền xe honda wave 110cc sử dụng động cơ điện kiểu gắn liền với bánh xe	Trần Phi Vũ Trần Thanh Phúc	2025102050063 2025102050025	D20CNOT05 D20CNOT05	TS. Phạm Tuấn Anh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,2	Khá
79.	Thiết kế xe máy điện dựa trên nền xe honda wave	Võ Tuấn Kiệt Trần Văn Mạnh	2025102050021 2025102050255	D20CNOT02 D20CNOT05	TS. Phạm Tuấn Anh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	81,3	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	110cc sử dụng động cơ điện kiểu BLDC							
80.	Thiết kế mô hình xe leo tường	Huỳnh Anh Tú Võ Tuấn Kiệt	2025102050775 2025102050021	D20CNOT02 D20CNOT02	ThS. Phạm Việt Hưng	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	67,33	Khá
81.	Nghiên cứu chế tạo thiết bị mô phỏng cảm biến trục cam và trục khuỷu Sử dụng kiểm tra ecu ô tô	Nguyễn Gia Thuận Nguyễn Thanh Xuân Đinh Lê Phong	1925102050160 1925102050068 1925102050148	D19OT01 D19OT01 D19OT01	ThS. Cao Trọng Hùng	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	77,33	Khá
82.	Số hóa hệ thống phòng trọ trên địa bàn Phú Hòa hỗ trợ việc tìm phòng cho sinh viên Đại học Thủ Dầu Một	Lương Minh Tâm Đỗ Huy Hoàng Biện Phúc Hiếu	2024802010247 2024802010262 2024802010348	D20CNTT01 D20CNTT01 D20CNTT01	ThS. Võ Quốc Lương	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	76,0	Khá
83.	Xây dựng website đoàn viện Kỹ thuật – Công nghệ	Nguyễn Thị Yến Nhi	2024802010251	D20CNTT01	ThS. Võ Quốc Lương	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	71,7	Khá
84.	Xây dựng website quản lý hoạt động sinh hoạt chủ nhiệm của cổ vấn học tập	Đặng Trọng Đại Lê Thanh Phương Hoàng Phan Thủy Dương	2024802010398 2024802010231 2024802010040	D20CNTT04 D20CNTT04 D20CNTT04	ThS. Võ Quốc Lương	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	78,7	Khá
85.	Xây dựng website dành cho người chơi thể thao	Nguyễn Thanh Phong Phạm Ngọc Minh Nguyễn Dương Hữu Thọ	2124801030115 2124801030032 2124801030212	D21KTPM01 D21KTPM01 D21KTPM01	ThS. Nguyễn Trung Vũ	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	63,0	Đạt
86.	Robot rác thông minh T&V	Ngô Trường Vũ	2024801030014	D20KTPM02	ThS. Trịnh Quốc Thanh	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	71,7	Khá
87.	Xây dựng hệ thống điều khiển bằng điện thoại cho thiết bị không người lái (drone)	Trần Đức Long Nguyễn Hữu Thọ	21280103E0018 21280103E0002	D21EN.KTPM01 D21EN.KTPM01	TS. Huỳnh Nguyễn Thành Luân	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	61,7	Đạt
88.	Xây dựng môi trường phát triển ứng dụng java cục bộ dựa trên công nghệ OCI container thông qua công cụ docker	Trần Tiến Đạt Nguyễn Xuân Tiến	2124802010674 2124802010826	D21CNTT05 D21CNTT05	ThS. Lê Từ Minh Trí	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,0	Khá
89.	Xây dựng ứng dụng tự động chọn máy chủ Cloud VPN Server tốc độ tốt nhất để kết nối	Nguyễn Xuân Tiến Trần Tiến Đạt	2124802010826 2124802010674	D21CNTT05 D21CNTT05	ThS. Lê Từ Minh Trí	Viện Kỹ thuật – Công nghệ	70,0	Khá
90.	Vai trò quản lý Hội đồng	Đặng Thị Huyền My	1823402010334	D18TC05	Nguyễn Văn Chiến	Khoa Kinh tế	90,0	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	quản trị, tỷ lệ vốn sở hữu nhà nước tác động đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết tỉnh Bình Dương	Nguyễn Lê Thanh Tuyền Đinh Nguyễn Bích Trâm	1923402010410 1923402010427	D19TC04 D19TC04				
91.	Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng cá nhân về sản phẩm thẻ thanh toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Nguyễn Tuyết Anh	1923402010244	D19TC03	Hà Lâm Oanh	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
92.	Sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với hoạt động huy động vốn tại Sacombank - Bình Dương	Lê Thị Ngọc Châu	1923402010082	D19TC04	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Khoa Kinh tế	84,0	Tốt
93.	Sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với sản phẩm thẻ thanh toán của Ngân hàng TMCP Nam Á - chi nhánh Bình Dương	Huỳnh Văn Thu	1923402010155	D19TC04	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
94.	Sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam	Đỗ Huyền Nhi	1923402010340	D19TC04	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Khoa Kinh tế	83,0	Tốt
95.	Ý định sử dụng thẻ tín dụng BIDV của khách hàng cá nhân tại Bình Dương	Nguyễn Hoàng Thiện	1923402010379	D19TC04	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Khoa Kinh tế	82,0	Tốt
96.	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định gửi tiết kiệm của khách hàng cá nhân tại Techcombank – Chi nhánh Bình Dương	Nguyễn Thị Thúy Hiền	1923402010196	D19TC03	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
97.	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng cá nhân đối với	Vi Thúy Ngọc	1923402010103	D19TC04	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)							
98.	Đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm thẻ thanh toán tại Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á- phòng giao dịch Bến Cát	Nguyễn Trần Thanh Dũng	1923402010034	D19TC03	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khoa Kinh tế	83,0	Tốt
99.	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại cửa hàng tiện lợi GS25 trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Mỹ Diễm Nguyễn Thị Diễm Hương Lê Thị Mỹ Hằng	2023401010360 2023401010631 2023401010844	D20QTKD02 D20QTKD01 D20QTKD04	Đỗ Thị Ý Nhi	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
100.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua rau an toàn của người dân tại thành phố Thủ Dầu Một	Quách Hoàng Phúc Nguyễn Thị Mai Thanh Huỳnh Hữu Thọ	2025106050103 2025106050020 2025106050137	D20LOQL03 D20LOQL03 D20LOQL03	Nguyễn Hán Khanh	Khoa Kinh tế	89,0	Tốt
101.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ tại chuỗi cửa hàng sữa Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Quỳnh Trần Thị Thu Hoài Trịnh Thị Ngọc Huyền	1925106050032 1925106050046 1925106050110	D19LO01 D19LO01 D19LO01	Nguyễn Hán Khanh	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
102.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua nhà của khách hàng tại Bình Dương	Từ Huy Cường Tô Minh Kha Nguyễn Quốc Hùng Trương Huy May	2025106050488 1925106050085 2025106050533 2025106050562	D20LOQL05 D19LO02 D20LOQL05 D20LOQL02	Nguyễn Hán Khanh	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
103.	Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Nguyễn Ngọc Thùy Phạm Thị Ngọc Hậu Đương Nguyễn Cẩm Ly	2025106050003 2025106050186 2025106050143	D20LOQL04 D20LOQL03 D20LOQL03	Nguyễn Hán Khanh	Khoa Kinh tế	88,0	Tốt
104.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo ngành kế toán tại	Hoàng Thị Yến Nhi Nguyễn Công Niên Phạm Huỳnh Duy Khang Nguyễn Văn Phúc	2223403010033 2123402011063 2223403010485 2223403011131	D21TCNH04 D22KETO04 D22KETO04 D22KETO04	Nguyễn Ngọc Giàu	Khoa Kinh tế	93,0	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	trường đại học Thủ Dầu Một							
105.	Vai trò trung gian về sự hài lòng của sinh viên khối ngành kinh tế đối với ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ giáo dục đến hình ảnh thương hiệu trường đại học Thủ Dầu Một	Trần Thiên Phúc Trần Quyết Thắng Nguyễn Khánh Ngọc Tuyền Hồ Cao Trí	2023401010167 2023401011292 2123401010922 2123401012166	D20QTKD07 D20QTKD01 D21QTKD14 D21QTKD09	Nguyễn Ngọc Giàu	Khoa Kinh tế	92,0	Tốt
106.	Các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên ngành Tài chính ngân hàng tại Trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Phi Khanh Nguyễn Mỹ Tiên	2223402010467 2223402011143	D22TCNH03 D22TCNH03	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khoa Kinh tế	84,0	Tốt
107.	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo ngành Tài chính ngân hàng tại trường đại học Thủ Dầu Một	Trần Thị Ngọc Anh H'Thur Bon Ja	2223402010074 2223402011001	D22TCNH04 D22TCNH04	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
108.	Phân tích các yếu tố tác động đến quyết định chọn trường của sinh viên khoa kinh tế trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Minh Ngọc Nguyễn Phương Linh	2223402011035 2223402010136	D22TCNH04 D22TCNH04	Nguyễn Thụy Bảo Khuyên	Khoa Kinh tế	86,0	Tốt
109.	Đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo tại Trung tâm Ngoại ngữ trường Đại học Thủ Dầu Một	Huỳnh Thanh Trúc Mai Trúc Phương Phạm Hồng Yến Nhi	2223402010058 2223402010518 2223402011046	D22TCNH04 D22TCNH04 D22TCNH04	Nguyễn Thụy Bảo Khuyên	Khoa Kinh tế	80,0	Tốt
110.	Phát triển đội ngũ giáo viên trong hệ thống giáo dục tại tỉnh Bình Dương	Trần Minh Nhựt Nguyễn Hân Nguyên Lê Minh Tấn	2123401011817 2123401011726 2125106051022	D21QTKD12 D21QTKD10 D21LOQL04	Đỗ Thị Ý Nhi	Khoa Kinh tế	70,0	Khá
111.	Các nhân tố tác động đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Thiếu Quốc Đạt Lâm Văn Bình Trần Thị Hồng Nhung	2023401010594 2023401010213 2023401011139	D20QTKD08 D20QTKD10 D20QTKD01 D20QTKD11	Nguyễn Thị Thương	Khoa Kinh tế	77,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
112.	Nâng cao kết quả học tập của sinh viên ngành Tài chính ngân hàng tại trường Đại học Thủ Dầu Một	Vũ Thị Hải Châu Vũ Thị Khánh Linh	2223402010397 2223402010769	D22TCNH01 D22TCNH01	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khoa Kinh tế	61,0	Đạt
113.	Đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến của sinh viên trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Đỗ Tiến Đạt	2023402010322	D20TCNH03	Lâm Nguyễn Hoài Diễm	Khoa Kinh tế	72,0	Khá
114.	Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên đại học Thủ Dầu Một khi sử dụng dịch vụ Mobile Banking - Ngân hàng TMCP Quân Đội	Nguyễn Hoàng Long	1823402010208	D18TC03	Hà Lâm Oanh	Khoa Kinh tế	68,0	Khá
115.	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại rạp chiếu phim CGV Bình Dương Square	Nguyễn Khánh Duy	1923402010193	D19TC03	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Khoa Kinh tế	61,0	Đạt
116.	Ứng dụng ngôn ngữ R để đánh giá tính bất định - bằng chứng thực nghiệm thông qua khả năng phá sản tại các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam	Lê Giáng Anh	2023402010811	D20TCNH01	Nguyễn Hoàng Chung	Khoa Kinh tế	93,0	Tốt
117.	Đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Trần Thị Thu Vân Đỗ Văn Vinh	2023402011033 2023402010389	D20TCNH06 D20TCNH04	Lâm Nguyễn Hoài Diễm	Khoa Kinh tế	91,0	Tốt
118.	Chất lượng báo cáo tài chính và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết tỉnh Bình Dương	Lê Thị Huyền Trang Đỗ Thị Ngân Trâm Bùi Thị Ngọc Ánh Lý Diệu Quyền	2023403010190 2023403010054 2023403010819 2023403010296	D20KETO02 D20KETO09 D20KETO08 D20KETO01	Nguyễn Văn Chiến	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
119.	Nghiên cứu mối quan hệ	Trần Thu An	1923401010424	D19QT01	Trần Thị Thanh	Khoa Kinh tế	91,0	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	giữa đại sứ thương hiệu với ý định mua hàng của người tiêu dùng tại thành phố Thủ Dầu Một				Hằng			
120.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển công nghiệp hỗ trợ: trường hợp tại Bình Dương	Nguyễn Nhật Lan Vy	1923401011014	D19QT01	Trần Thị Thanh Hằng	Khoa Kinh tế	85,0	Tốt
121.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới ý định áp dụng Block Chain tại các doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Trần Mỹ Linh Nguyễn Hồng Liên	2025106050200 2025106050194	D20LOQL03 D20LOQL03	Nguyễn Nhật Khánh Uyên	Khoa Kinh tế	87,0	Tốt
122.	Tác động của chất lượng dịch vụ cảng biển đến sự hài lòng của khách hàng: nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Mai Thanh	2025106050020	D20LOQL03	Nguyễn Nhật Khánh Uyên	Khoa Kinh tế	86,0	Tốt
123.	Đánh giá nhu cầu và nguồn lực tổ chức các hoạt động phòng ngừa quấy rối tình dục nơi công cộng đối với sinh viên năm nhất trường Đại học Thủ Dầu Một	Đỗ Hoàng Sang Nguyễn Ngọc Vân	1927601010088 2127601010079	D19XH01 D21CTXH01	TS. Lê Anh Vũ	Khoa Sư phạm	89,0	Tốt
124.	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành học của sinh viên năm nhất trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Phương Thảo Trần Thị Kim Vân	2227601010097 2225106050685	D22CTXH01 D22LOQL07	PGS.TS. Võ Văn Ôn	Khoa Sư phạm	53.3	Đạt
125.	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Yến Nhi Nguyễn Công Danh	2227601010021 2125102050617	D22CTXH01 D21CNOTO06	TS. Nguyễn Thị Hồng Thắm	Khoa Sư phạm	53,0	Đạt
126.	Cách ứng phó của triều Nguyễn đối với dịch bệnh (1802 – 1858)	Đặng Thị Hương Giang	2121402180028	D21SPLS01	ThS. Phan Thị Lý	Khoa Sư phạm	85,0	Tốt
127.	Vận dụng giáo dục STEAM trong dạy và học	Nguyễn Gia Huy Trần Thị Thanh Tuyền	2121402180036 2121402180063	D21SPLS01 D21SPLS01	ThS. Phạm Thị Vân Anh	Khoa Sư phạm	85,0	Tốt



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	Lịch sử lớp 10 tại một số trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Dương							
128.	Quan hệ kinh tế Việt Nam – Thái Lan (2016 - 2022)	Nguyễn Văn Châu	1821402180025	D18LS01	TS. Nguyễn Hoàng Huế	Khoa Sư phạm	75,0	Khá
129.	Quá trình phát triển của đạo Tin Lành trong cộng đồng người S'tiêng ở xã Quang Minh, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (2009 -2022)	Nguyễn Thị Thu Hồng	2121402180028	D21SPLS01	ThS. Ngô Minh Sang	Khoa Sư phạm	70,0	Khá
130.	Quá trình chuyển biến dân cư ở Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (1975-2000)	Nguyễn Hoàng Thy	2021402180001	D20SPLS01	ThS. Ngô Minh Sang	Khoa Sư phạm	80,0	Tốt
131.	Nạn đói Việt Nam năm 1945 qua nguồn tài liệu đã công bố	Nguyễn Mai Hoa	2021402180006	D20SPLS01	ThS. Nguyễn Văn Tiến	Khoa Sư phạm	71,0	Khá
132.	Đặc trưng kiến trúc thời Lý	Trương Thị Huệ Đặng Văn Phúc Trần Nguyễn Ngọc Anh Nguyễn Thị Diễm Trinh Nguyễn Dạ Thảo Trần Vũ Công Đức	2122104030347 2122104030486 2122104030245 2122104030231 2122104030213 2122104030190	D21TKDH03 D21TKDH01 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03	Nguyễn Thị Kim Ngoan	Khoa Công nghiệp văn hóa	65,0	Khá
133.	Thiết kế logo và poster quảng bá thương hiệu nổi bật truyền thống Tây Nam Bộ	Trần Tuấn Khôi Nguyễn Hữu Bá Thiên Nguyễn Trương Hải Duy Bùi Phương Nam Lý Gia Huy Nguyễn Thị Thu Phương	1922104030065 1922104030016 1922104030017 1922104030018 1922104030025 1922104030026	D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	68,0	Khá
134.	Thiết kế quảng bá poster voi gấm Bình Dương	Nguyễn Quỳnh Khanh Nguyễn Đức Trung Nguyễn Hồng Anh Trần Quốc Nguyên Nguyễn Song Tùng Khang Lê Huỳnh Như	2022104030184 2022104030178 2022104030167 2022104030156 2022104030140 2022104030136	D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03	Phạm Tấn Phước	Khoa Công nghiệp văn hóa	78,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
135.	Thiết kế bao bì và tờ rơi kèm theo trong mỗi túi kẹo dừa Bến Tre thương hiệu Thanh Long	Nguyễn Hoàng Yến Võ Thị Hồng Hạnh Nguyễn Bảo Duy Nguyễn Trần Thanh Diệu Huỳnh Thị Bích Hạnh Lê Minh Phát	2122104030477 2122104030337 2122104030326 2122104030322 2122104030281 2122104030275	D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03	Hồ Hải Thuận	Khoa Công nghiệp văn hóa	55,0	Đạt
136.	Thiết kế bộ bài Tarot lấy ý tưởng từ tỉnh Bình Dương	Trương Ngọc Phương Ánh Lê Huỳnh Thanh Vy Nguyễn Trung Minh Lê Triệu Thiên Nguyễn Trọng Thường Nguyễn Thị Thủy Tiên	1922104030054 1922104030027 1922104030030 1922104030079 1922104030082 1922104030083	D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01	Nguyễn Thị Hà	Khoa Công nghiệp văn hóa	67,0	Khá
137.	Giải pháp phát huy cảm xúc sáng tạo từ thực tiễn cuộc sống trong tranh thiếu nhi	Võ Quỳnh Hương Lê Võ Hồng Phúc Nguyễn Huỳnh Diễm Phụng Vũ Phương Mai Lê Phi Liêu Phước Thịnh	2122104030491 2122104030051 2122104030016 2122104030014 2122104030253 2122104030252	D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03	Nguyễn Thị Hà	Khoa Công nghiệp văn hóa	76,0	Khá
138.	Thiết kế bộ lịch năm 2024 lấy cảm hứng từ họa tiết hoa văn trên Trống Đồng Đông Sơn	Trương Thị Quỳnh Như Nguyễn Ngọc Ngân Đoàn Thị Ngọc Trang Hoàng Như Quỳnh Võ Hồng Tuyết Lý Hưng Thạnh	2022104030070 2022104030306 2022104030373 2022104030372 2022104030021 2022104030014	D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03	Nguyễn Thị Hà	Khoa Công nghiệp văn hóa	79,0	Khá
139.	Thiết kế layout web và catalogue cải tiến năm 2023 cho khu du lịch Sun World Bà nà Hills	Vem Minh Thơ Đỗ Hoàng Thắng Lê Kim Ngân Lê Anh Tuấn Bùi Thị Thi Chu Thiên Phú	1922104030020 1922104030077 1922104030010 1922104030087 1922104030093 1922104030095	D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01 D19DH01	Hồ Hải Thuận	Khoa Công nghiệp văn hóa	85,0	Tốt
140.	Minh họa tập thơ "Trẻ em hát, trẻ em chơi"	Trần Thoại Kim Hồ Thị Diệu Phạm Thị Thùy Dương	1922104030066 2122104030150 2122104030140	D19DH01 D21TKDH01 D21TKDH01	Hồ Hải Thuận	Khoa Công nghiệp văn hóa	81,0	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
		Nguyễn Thị Thanh Phụng Nguyễn Thị Ánh Dương Dương Quang Định	2122104030132 2122104030102 2122104030091	D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01				
141.	Vẽ minh họa sách ảnh ở một số địa danh tiêu biểu tại Bình Dương xưa và nay	Phạm Thị Thu Hiền Nguyễn Tiến Sĩ Mai Tuấn Anh Trần Bảo Ngọc Trâm Anh Phạm Gia Kiệt Ngô Thị Thanh Thủy	1922104030005 2122104030090 2122104030075 2122104030069 2122104030067 2122104030063	D19DH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	91,0	Tốt
142.	Tuyên truyền học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	Nguyễn Ngọc Ngân Đoàn Thị Thủy Dương Phạm Minh Dương Đặng Đức Chung Nguyễn Trần Chiến Lâm Văn Cát	2022104030306 2022104030238 2122104030328 2122104030318 2122104030316 2122104030312	D20TKDH03 D20TKDH03 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	77,0	Khá
143.	Thiết kế logo và slogan bộ thương hiệu Aoi Coffee	Phan Chí Hào Trần Anh Kha Châu Nguyễn Mỹ Hoa Trần Tuấn Anh Nguyễn Ngọc Minh Hân Nguyễn Nhật Hào	1922104030061 2122104030035 2122104030010 2122104030007 2122104030341 2122104030339	D19DH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	68,0	Khá
144.	Tuyên truyền phát huy nghệ thuật tò he Bắc Bộ thông qua clip quảng bá và logo nhận diện	Nguyễn Tuấn Nam Bùi Việt Anh Nguyễn Minh Hiếu Lê Thị Hồng Sinh Trịnh Trần Công Giang Lê Thị Thúy Vy	2123201040378 2122104030300 2122104030291 2122104030286 2122104030254 2122104030248	D21TTPT03 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	80,0	Tốt
145.	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu Thảo Cầm Viên	Phùng Thế Sơn Trần Nguyễn Ngọc Thái Trần Minh Thịnh Phạm Minh Tuấn Lê Anh Vũ Trần Nguyễn Thanh Nhi	1922104030043 2122104030244 2122104030241 2122104030233 2122104030227 2122104030216	D19DH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	77,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
146.	Thiết kế bao bì sản phẩm hạt điều Bà Tấm Bình Dương	Lê Đặng Thuận Phạm Nguyễn Minh Thư Nguyễn Tuấn Anh Võ Thị Thanh Vân Lý Mỹ Ngân Nguyễn Thị Kiều Ngân	1922104030049 2022104030221 2022104030219 2022104030215 2022104030214 2022104030207	D19DH01 D20TKDH02 D20TKDH02 D20TKDH02 D20TKDH02 D20TKDH02	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	64,0	Đạt
147.	Thiết kế bộ lịch cho công ty Cổ phần giao hàng tiết kiệm năm 2024 sử dụng hình ảnh minh họa Isometric	Khâu Thị Mỹ Duyên Nguyễn Duy Cường Lương Công Tuấn Phạm Minh Duy Nguyễn Hạnh Khánh An Tô Thanh Minh	1922104030002 2022104030204 2022104030200 2022104030196 2022104030191 2022104030185	D19DH01 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	86,0	Tốt
148.	Thiết kế Logo nhận diện thương hiệu Mắm Trí Hải	Huỳnh Nhật Nam Nguyễn Hữu Tấn Nguyễn Tuấn Hùng Đồng Xuân Tiến Nguyễn Tuấn Huy Nguyễn Trúc Linh	1922104030009 2022104030235 2022104030225 2022104030224 2022104030220 2022104030208	D19DH01 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03 D20TKDH03	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	71,0	Khá
149.	Thiết kế website quảng bá thương hiệu cửa hàng thú cưng Dogily Petshop	Nguyễn Quốc Bảo Nguyễn Ngọc Thiên Kim Dương Hoàng Tuấn Anh Nguyễn Thanh Long Lê Hồng Phúc Lại Thị Thu Nghĩa	1922104030044 2122104030186 2122104030170 2122104030168 2122104030163 2122104030143	D19DH01 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	74,0	Khá
150.	Thiết kế bao bì và Slogan thương hiệu trà thảo mộc An Nhiên	Đỗ Thị Thúy Hằng Hoàng Liêm Nguyễn Thành Luân Vũ Thị Phương Nhi Nguyễn Thiên Phúc Nguyễn Phạm Sơn Tùng	1922104030062 2122104030139 2122104030120 2122104030107 2122104030065 2122104030053	D19DH01 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	80,0	Tốt
151.	Thiết kế biểu trưng, slogan tuyên truyền và poster quảng bá du lịch thành phố biển Tuy Hòa	Nguyễn Thị Cẩm Thi Võ Hoàng Anh Lê Hồ Bảo Châu Bùi Trung Mẫn Kiều Tiên Nguyễn Minh Hậu	1922104030078 2122104030206 2122104030198 2122104030173 2122104030159 2122104030124	D19DH01 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	79,0	Khá
152.	Thiết kế poster liên hoàn	Lưu Thị Ngọc Tiên	2022104030344	D20TKDH02	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công	78,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	quảng bá nghề gốm Bình Dương	Nguyễn Hữu Triều Đỗ Văn Chơn Nguyễn Thị Thùy Trang Nguyễn Thế Sơn Nguyễn Quốc Tuấn	2022104030132 2022104030255 2022104030203 2022104030198 2022104030186	D20TKDH02 D20TKDH02 D20TKDH02 D20TKDH02 D20TKDH02	Điệp	ng nghiệp văn hóa		
153.	Thiết kế logo và poster gốm gia dụng Bình Dương góp phần nhận diện thương hiệu trong việc bảo tồn, phát huy nghề gốm truyền thống	Cao Bùi Kim Phượng Nguyễn Đặng Hữu Hậu Nguyễn Thị Như Quỳnh Nguyễn Minh Tuấn Lê Minh Long Nguyễn Việt Hà	1922104030051 2122104030257 2122104030255 2122104030246 2122104030234 2122104030220	D19DH01 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Khoa Công nghiệp văn hóa	82,0	Tốt
154.	Thiết kế poster tuyên truyền tác hại của việc cho trẻ em sử dụng điện thoại quá sớm	Lưu Công Bắc Nguyễn Thị Tú Quyên Lê Thị Kiều Oanh Trần Tuyết Nhung Võ Minh Văn Nam Lê Phú Khải	2022104030106 2022104030332 2022104030322 2022104030318 2022104030303 2022104030285	D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01	Hoàng Văn Cử	Khoa Công nghiệp văn hóa	80,0	Tốt
155.	Thiết kế website quảng bá thương hiệu thời trang Adamstore	Võ Minh Trung Trương Thúy Hằng Nguyễn Anh Quân Huỳnh Anh Phi Nguyễn Bảo Ngọc Thạch Thị Hồng Hương	1924801030043 2122104030340 2122104030289 2122104030288 2122104030273 2122104030270	D19DH01 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02	Hoàng Văn Cử	Khoa Công nghiệp văn hóa	83,0	Tốt
156.	Thiết kế poster quảng bá đặc trưng ẩm thực Việt Nam	Lưu Công Bắc Phạm Thế Duyệt Phạm Thanh Chiến Huỳnh Ngọc Bảo Phan Văn Tường Trần Văn Khôi	2022104030106 2022104030263 2022104030254 2022104030245 2022104030241 2022104030234	D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01	Hoàng Văn Cử	Khoa Công nghiệp văn hóa	69,0	Khá
157.	Thiết kế poster siêu thị trái cây Fruit Super Mart	Trần Xuân Tùng Phạm Minh Nhã Trần Thế Lực Châu Hùng Cường Trần Kiều Vỹ Trần Đức Độ	1922104030001 2022104030231 2022104030228 2022104030223 2022104030209 2022104030206	D19DH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01	Hoàng Văn Cử	Khoa Công nghiệp văn hóa	82,0	Tốt
158.	Thiết kế bao bì thương hiệu nước mắm Gành đỏ Phú	Lê Thành Trung Huỳnh Ngọc Sơn	1922104030032 2022104030202	D19DH01 D20TKDH01	Hoàng Văn Cử	Khoa Công nghiệp văn	68,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	Yên	Lê Hồng Nhung Đinh Hải Lâm Lê Phú Hào Trương Thị Mỹ Duyên	2022104030199 2022104030195 2022104030194 2022104030193	D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01		hóa		
159.	Thiết kế poster du lịch chợ nổi Cái Bè	Trần Thế Tổng Trần Thị Thanh Tâm Phan Đức Huy Văn Mạnh Cường Dương Công Danh Võ Thị Huỳnh Hương	1922104030036 2022104030181 2022104030172 2022104030171 2022104030159 2022104030158	D19DH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01 D20TKDH01	Hoàng Văn Cử	Khoa Công nghiệp văn hóa	86,0	Tốt
160.	Vẽ minh họa và dàn trang cho truyện cổ tích "Tứ Thức gặp tiên"	Huỳnh Như Võ Thị Thanh Trúc Nguyễn Phương Trúc Lương Thanh Trúc Phạm Thị Minh Thư Nguyễn Diệu Thuý	1922104030007 2122104030458 2122104030456 2122104030455 2122104030447 2122104030445	D19DH01 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02	Lê Thanh Bình	Khoa Công nghiệp văn hóa	82,0	Tốt
161.	Thiết kế bộ bìa vở nhân vật truyện Bạch Đằng năm (938) theo phong cách Chibi	Lâm Chánh Hưng Lưu Quốc Khánh Huỳnh Trương Lai Đào Thị Thủy Dương Phan Ngọc Dũng Nguyễn Thị Kim Vân	2122104030355 2122104030363 2122104030156 2122104030499 2122104030490 2122104030471	D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH01 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02	Lê Thanh Bình	Khoa Công nghiệp văn hóa	76,0	Khá
162.	Minh họa sách ảnh về phố cổ Hội An	Nguyễn Lan Anh Phan Thanh Tâm Nguyễn Trường Sinh Lê Nguyễn Thành Phúc Nguyễn Sơn Trà My Nguyễn Đăng Lâm	1922104030006 2122104030430 2122104030426 2122104030413 2122104030391 2122104030373	D19DH01 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02 D21TKDH02	Hồ Hải Thuận	Khoa Công nghiệp văn hóa	81,0	Tốt
163.	Phát huy giá trị văn hoá dân gian thông qua ngôn ngữ tạo hình body art bằng thương thức trình diễn câu chuyện Dê và Cáo	Trương Thị Huệ Đặng Văn Phúc Trần Nguyễn Ngọc Anh Nguyễn Thị Diễm Trinh Nguyễn Dạ Thảo Trần Vũ Công Đức	2122104030347 2122104030486 2122104030245 2122104030231 2122104030213 2122104030190	D21TKDH03 D21TKDH01 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03 D21TKDH03	Nguyễn Thị Hoài Phương	Khoa Công nghiệp văn hóa	81,0	Tốt
164.	Ấm thực chay trong đời sống của người dân Thủ Dầu Một, Bình Dương	Ngô Thị Tuyết Hạnh	1922290400003	D19VH01	ThS. Nguyễn Thị Thuý Vy	Khoa Công nghiệp văn hóa	77,0	Khá



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
165.	Văn hóa ẩm thực của người Hoa ở Thủ Dầu Một	Lý Tuyết Nghi	1923105010072	D19VH01	ThS. Nguyễn Thị Thúy Vy	Khoa Công nghiệp văn hóa	90,0	Tốt
166.	Ẩm thực trong phát triển du lịch tại Bình Dương	Phan Quang Tiến	2022290400045	D20VHHO01	ThS. Lê Thị Ngọc Sương	Khoa Công nghiệp văn hóa	92,0	Tốt
167.	Tín ngưỡng thờ Quan Công của người Hoa ở Bình Dương	Phan Thị Kim Ngân	1922290400010	D19VH01	ThS. Lê Thị Ninh	Khoa Công nghiệp văn hóa	75,0	Khá
168.	Phim hoạt hình Nhật Bản trong đời sống sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Văn Thêm	1923105010071	D19VH01	ThS. Trần Duy Khương	Khoa Công nghiệp văn hóa	91,0	Tốt
169.	Trang phục của sinh viên hiện nay (trường hợp sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một)	Huỳnh Vũ Hòa Long	1923105010013	D19VH01	ThS. Trần Duy Khương	Khoa Công nghiệp văn hóa	90,0	Tốt
170.	Tín ngưỡng thờ Trời của người Việt ở Thủ Dầu Một, Bình Dương	Thái Thanh Hằng	1922290100015	D19VH01	ThS. Lê Thị Ninh	Khoa Công nghiệp văn hóa	76,0	Khá
171.	Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của tín đồ Công giáo ở huyện Dầu Tiếng, Bình Dương	Võ Thị Yến	1923105010017	D19VH01	ThS. Lê Thị Ninh	Khoa Công nghiệp văn hóa	78,0	Khá
172.	Thị hiếu âm nhạc của sinh viên khoa Công nghiệp Văn hóa, trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Huyền Nguyễn Thị Thùy Giang	2022104050001 2022104050003	D20AMNH01 D20AMNH01	ThS. Nguyễn Bình An	Khoa Công nghiệp văn hóa	68,3	Khá
173.	Biện pháp tự học thanh nhạc cho sinh viên năm nhất ngành Âm nhạc tại trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Ngọc Tuyền Lê Nguyễn Hoàng Châu Nguyễn Đăng Phục Hưng	2022104050029 2022104050008 2022104050005	D20AMNH01 D20AMNH01 D20AMNH01	ThS. Ngô Phạm Toán	Khoa Công nghiệp văn hóa	70,0	Khá
174.	Nghiên cứu tài nguyên văn hoá phục vụ phát triển du lịch ở huyện Lộc Ninh, tỉnh	Diêm Thị Thu Nhi Lê Văn Thạch	2128101010111 2128101010342	D21DULI02 D21DULI02	ThS. Đinh Thị Yến	Khoa Công nghiệp văn hóa	73,6	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	Bình Phước							
175.	Nghiên cứu tiềm năng du lịch văn hóa chùa Bà Thiên Hậu tỉnh Bình Dương	Đỗ Ngọc Thúy Lê Thành Duy Lâm Thị Kim Quyên Nguyễn Thị Thủy Dung	2128101010073 2128101010092 2128101010336 2128101010398	D21DULI02 D21DULI02 D21DULI02 D21DULI02	ThS. Lê Thị Ngọc Anh	Khoa Công nghiệp văn hóa	77,0	Khá
176.	Nhận thức về du lịch có trách nhiệm của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Ngọc Ánh	2128101010156	D21DULI02	ThS. Hà Văn Kiên	Khoa Công nghiệp văn hóa	77,0	Khá
177.	Biện pháp hạn chế lan truyền "truyền thông bản" trên mạng xã hội cho sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Nguyễn Ngọc Hy Uyên	2123201040291	D21TTPT03	ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng	Khoa Công nghiệp văn hóa	76,6	Khá
178.	Vai trò của truyền thông trong bảo vệ môi trường tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Nguyễn Đỗ Phú Lê Hoàng Bút Nghiên	2123201040631 2123201040194	D21TTPT03 D21TTPT04	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa Công nghiệp văn hóa	77,6	Khá
179.	Xu hướng ứng dụng nghệ thuật thiết kế trong giai đoạn 4.0	Vũ Tuyết Xuân	2123201040032	D21TTPT01	ThS. Nguyễn Thị Minh Thi	Khoa Công nghiệp văn hóa	71,6	Khá
180.	Giá trị nghệ thuật tạo hình ứng dụng trong các sản phẩm phục vụ cộng đồng trong thời kì hiện đại	Nguyễn Thị Trà My Lê Nguyễn Ngọc Tuyền	2123201040384 2123201040229	D21TTPT01 D21TTPT01	ThS. Nguyễn Thị Minh Thi	Khoa Công nghiệp văn hóa	67,3	Khá
181.	Nâng cao hiệu quả thực hành kỹ năng giao tiếp cho sinh viên ngành Truyền Thông Đa Phương Tiện trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Nhật Trường	2123201040078	D21TTPT04	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa Công nghiệp văn hóa	83,7	Tốt
182.	Biện pháp nâng cao trình độ giao tiếp tiếng Anh với người nước ngoài của sinh viên ngành truyền thông đa phương tiện, trường Đại học Thủ Dầu Một	Phan Nguyễn Tuyết Trinh Giang Kim Doanh	2123201040215 2123201040035	D21TTPT03 D21TTPT03	ThS. Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa Công nghiệp văn hóa	76,0	Khá



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
183.	Vai trò của truyền thông trong kết nối và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Trương Nhu Tâm Nguyễn Thị Ngọc Yến	2123201040659 2123201040743	D21TTPT03 D21TTPT03	ThS. Trần Thị Mỹ Xuân	Khoa Công nghiệp văn hóa	78,0	Khá
184.	Nâng cao hiệu quả ứng dụng truyền thông trong quảng cáo sản phẩm thời đại công nghệ 4.0	Trần Minh Thông	2123201040678	D21TTPT04	ThS. Nguyễn Trung Ngọc	Khoa Công nghiệp văn hóa	93,0	Tốt
185.	Hiện trạng stress trong học tập của sinh viên khoa Công nghiệp Văn Hóa trường Đại học Thủ Dầu Một	Phạm Duy Khánh	2123201040189	D21TTPT04	ThS. Nguyễn Trung Ngọc	Khoa Công nghiệp văn hóa	82,3	Tốt
186.	Nghiên cứu xu hướng truyền thông của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một trong thời đại 4.0	Trần Hoàng Hải Yến	2123201040745	D21TTPT02	ThS. Phạm Đắc Vy Thảo	Khoa Công nghiệp văn hóa	70,3	Khá
187.	Vai trò của truyền thông trong việc thay đổi nhận thức của các bậc phụ huynh đối với cộng đồng LGBT	Đỗ Thị Ngọc Yến	2123201040135	D21TTPT04	ThS. Phạm Đắc Vy Thảo	Khoa Công nghiệp văn hóa	73,0	Khá
188.	Vai trò của truyền thông trong việc thay đổi nhận thức của giới trẻ đối với người thuộc cộng đồng LGBT	Võ Lam Trường	2123201040437	D21TTPT03	ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng	Khoa Công nghiệp văn hóa	73,3	Khá
189.	Xu hướng lựa chọn ngành học truyền thông đa phương tiện của giới trẻ Việt Nam hiện nay	Nguyễn Phạm Xuân Thạch	2123201040459	D21TTPT04	ThS. Nguyễn Đình Kỳ	Khoa Công nghiệp văn hóa	72,0	Khá
190.	Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Lý Ngọc Hà Vương Mỹ Hạnh Lê Thị Hồng Đào Phan Quang Tiến	2022290400007 2022290400006 2022290400008 2022290400045	D20VHHO01 D20VHHO01 D20VHHO01 D20VHHO01	ThS. Trần Duy Khương	Khoa Công nghiệp văn hóa	70,0	Khá
191.	Thiết kế không gian giải trí trong Viện dưỡng lão theo	Lê Nữ Hồng Minh Anh Đỗ Quỳnh Như	1825801010004 2125801010134	D18KTR01 D21KITR01	ThS. Nguyễn Dương Tử	Khoa Kiến trúc	76,7	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	nhu cầu người cao tuổi hiện nay	Lê Huỳnh Chí Bảo Nguyễn Tấn Dũng Nguyễn Trường Giang	2025801010006 1825801010035 1825801010024	D20KITR01 D18KTR01 D18KTR01	ThS. Nguyễn Bình Phương			
192.	Nghệ thuật chiếu sáng trong không gian trưng bày bảo tàng	Đặng Quốc Huy Thạch Ngọc Xuân Triệu Nguyễn Hồng Ngọc Đặng Thị Bảo Trân	1925802010086 1825801010055 1925801010002 2025801010053	D19KR01 D18KTR01 D19KR01 D20KITR01	ThS. Nguyễn Trần Tường Ly	Khoa Kiến trúc	80,0	Tốt
193.	Nghiên cứu đặc trưng, không gian sản xuất gốm Lái Thiêu	Nguyễn Trần Khánh Vân Châu Uy Nghiêm Trần Hà Vy Hà Huy Hoàng Huỳnh Ngọc Yển	1825801010027 2125801010014 2025801010113 1925801010032 1925801010085	D18KTR01 D20KITR01 D20KITR01 D19KR01 D19KR01	ThS. Nguyễn Trần Tường Ly	Khoa Kiến trúc	73,3	Khá
194.	Không gian sống trong căn hộ chung cư dành cho người có thu nhập thấp	Nguyễn Hoàng Phương Linh Nguyễn Võ Hoài Nam Đặng Quốc Huy	1925801010087 1825801010025 1925802010086	D19KR01 D18KTR01 D19KR01	ThS. Nguyễn Trần Tường Ly	Khoa Kiến trúc	76,7	Khá
195.	Không gian sinh hoạt văn hóa tinh thần trong kiến trúc viện dưỡng lão theo phong cách truyền thống Việt Nam	Lê Sơn Nguyên Nguyễn Hồng Ngọc Nguyễn Hoàng Phương Linh Phạm Tuấn Anh	1825801010042 1925801010001 1925801010087 2025801010087	D18KTR01 D19KR01 D19KR01 D20KITR01	ThS. Nguyễn Dương Tử ThS. Vũ Hồng Hạnh	Khoa Kiến trúc	87,0	Tốt
196.	Màu sắc trong không gian trưng bày	Trần Công Thảo Nguyễn Xuân Nhân Chiến Thượng Nga Đào Thị Linh	1925801010074 2125801010009 2125801010105 2125801010108	D19KR01 D21KITR01 D21KITR01 D21KITR01	ThS. Nguyễn Đức Trọng	Khoa Kiến trúc	60,0	Đạt
197.	Thiết kế bàn học kết hợp với giá sách cho sinh viên	Huỳnh Thị Như Quỳnh Trần Thị Thủy	1925490010051 1925490010062	D19CB01 D19CB01	ThS. Dương Tấn Cường	Khoa Kiến trúc	75,0	Khá
198.	Gia cố nền đất yếu bằng công nghệ Top-base ở Thuận An - Bình Dương	Đào Quốc Duy Ngô Hoài Thương Nguyễn Nhật Hào Lê Văn Hoàng	2025802010079 2025802010132 2025802010128 2025802010145	D20KTXD01 D20KTXD01 D20KTXD01 D20KTXD01	ThS. Đỗ Thị Ngọc Tam	Khoa Kiến trúc	71,0	Khá
199.	Đánh giá chất lượng bê tông từ vật liệu rác thải nhựa	Lương Thanh Thanh Nguyễn Tiến Duy Nguyễn Tường Giang Trần Quang Vinh	2025802010123 2025802010116 2025802010115 2025802010060	D20KTXD01 D20KTXD01 D20KTXD01 D20KTXD01	ThS. Phú Thị Tuyết Nga	Khoa Kiến trúc	80,0	Tốt

TÍNH
ĐỌC
MỘT
ĐIỂM

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
200.	Khảo sát một số hoạt tính sinh học của tinh dầu sả chanh	Lê Thị Trà My Nguyễn Phan Mỹ Dung Ngô Thị Ngọc Ánh Lữ Thị Trà My	2124401120053 2124401120063 2124401120040 2224202010217	D21HOHO01 D21HOHO01 D21HOHO01 D22CNSH01	PGS.TS. Ngô Đại Hùng	Viện Phát triển Ứng dụng	81,0	Tốt
201.	Nghiên cứu điều chế nước hoa thảo dược có hoạt tính kháng oxi hóa	Võ Thị Thùy Linh Nguyễn Phạm Như Hào Lê Thị Mỹ Quyên	2124401120018 2124401120016 2124401120021	D21HOHO01 D21HOHO01 D21HOHO01	Phạm Thị Mỹ Trâm	Viện Phát triển Ứng dụng	74,0	Khá
202.	Tổng hợp xanh hạt nano bạc từ dịch chiết lá bạch đàn	Nguyễn Thị Kim Thùy Nguyễn Nhật Hào	2124401120056 2124401120001	D21HOHO01 D21HOHO01	ThS. Dương Thị Ánh Tuyết	Viện Phát triển Ứng dụng	76,0	Khá
203.	Áp dụng Test Kit xác định Formol trong một số thực phẩm đang lưu hành thành phố Thủ Dầu Một	Lê Thành Huy Bảo Lê Anh Duy Lê Thị Trà My Nguyễn Huỳnh Mai Phương	2024401120003 2024401120033 2124401120053 2124401120038	D20HOHO01 D20HOHO01 D21HOHO01 D21HOHO01	Lê Thị Huỳnh Như	Viện Phát triển Ứng dụng	79,6	Khá
204.	Nghiên Cứu Tổng Hợp Dẫn Xuất Polymer Tương Hợp Sinh Học Dendrimer-Histamine	Nguyễn Thị Tuyết Mai Lê Văn Lam	2024401120022 2024401120010	D20HOHO01 D20HOHO01	TS. Nguyễn Thị Bích Trâm	Viện Phát triển Ứng dụng	77,6	Khá
205.	Nghiên Cứu Tổng Hợp Dẫn Xuất Polymer Tương Hợp Sinh Học Gelatin-Histamine	Nguyễn Thịnh Phát Nguyễn Yến Loan	2024401120036 2024401120044	D20HOHO01 D20HOHO01	TS. Nguyễn Thị Bích Trâm	Viện Phát triển Ứng dụng	80,0	Tốt
206.	Ảnh hưởng của điều kiện trích ly đến hàm lượng polyphenol và acid rosmarinic trong lá cây kinh giới Việt Nam (<i>Elsholtzia ciliata</i>)	Nguyễn Hà Khả Tú Nguyễn Thị Mai Linh Nguyễn Minh Đạt	2125401010270 2125401010272 2124202010087	D21CNTP01 D21CNTP01 D21CNSH01	Trương Nguyễn Phương Vi	Viện Phát triển Ứng dụng	86,0	Tốt
207.	Thử nghiệm tạo sản phẩm trà hoa đậu biếc khô và đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố đến hàm lượng anthocyanin khi sử dụng sản phẩm	Phạm Lê Thanh Nga Hồ Thanh Thủy Nguyễn Nam Long Trần Thị Kim Ngân	2125401010179 2125401010192 2125401010199 2125401010094	D21CNTP02 D21CNTP02 D21CNTP02 D21CNTP02	Trần Ngọc Hùng	Viện Phát triển Ứng dụng	91,6	Tốt
208.	Nghiên cứu nâng cao hàm lượng amino acid trong sữa	Phạm Hồng Như Huỳnh Nhựt Minh	2125401060013 2125401010009	D21ATTP01 D21CNTP02	Trần Ngọc Hùng	Viện Phát triển Ứng dụng	86,6	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	đậu nành bằng protease thực vật	Đinh Công Quý	2125401010049	D21CNP02				
209.	Khảo sát một số điều kiện thủy phân pectin nấm đông trùng hạ thảo để thu nhận dịch	Nguyễn Thảo Giang Nguyễn Minh Luân Vũ Thị Thúy Vy	2125401010162 2125401010168 2125401010029	D21CNP02 D21CNP02 D21CNP02	Trần Ngọc Hùng	Viện Phát triển Ứng dụng	86,6	Tốt
210.	Áp dụng Test Kit phát hiện nhanh Hanta trong một số thực phẩm đang lưu hành tại thành phố Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Mỹ Hiền Nguyễn Thị Cẩm Tú Trà Hồ Công Hậu	2125401010105 2125401010276 2125401010103	D21CNP01 D21CNP01 D21CNP01	Lê Thị Huỳnh Như	Viện Phát triển Ứng dụng	83,7	Tốt
211.	Hoạt tính kháng <i>Helicobacter pylori</i> và ấu trùng muỗi vằn (<i>Aedes aegypti</i>) của tinh dầu tía tô (<i>Perilla frutescens</i>)	Nguyễn Phan Hà Phương Phạm Nhật Minh Lâm Thị Thanh Tuyền Nguyễn Hồng Nhi Lê Phạm Thái Dương	2124202010089 2124202010070 2224202010190 2224202010010 2224202010050	D21CNSH01 D21CNSH01 D22CNSH01 D22CNSH01 D22CNSH01	Trần Thanh Hùng	Viện Phát triển Ứng dụng	85,0	Tốt
212.	Khảo sát ảnh hưởng của màu tự nhiên trong quy trình làm kẹo marshmallow	Huỳnh Thị Hà Anh	2124202010079	D21CNSH01	Phạm Thị Mỹ Trâm	Viện Phát triển Ứng dụng	84,3	Tốt
213.	Nghiên cứu sử dụng để nấm trùng thảo trong quy trình sản xuất bia tươi	Trần Minh Trung	2124202010091	D21CNSH01	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	Viện Phát triển Ứng dụng	88,3	Tốt
214.	So sánh hàm lượng acid rosmarinic trong một số loài thực vật thuộc họ laminaceae	Nguyễn Thị Thu Hương	2124202010082	D21CNSH01	Nguyễn Thị Liên Thương	Viện Phát triển Ứng dụng	81,3	Tốt
215.	Trồng thử nghiệm một số thực vật có giá trị dược liệu tại Bình Dương sử dụng làm nước súc họng kháng khuẩn	Huỳnh Tú Toàn Trương Gia Hân	2124202010080 2124202010053	D21CNSH01 D21CNSH01	Nguyễn Vinh Hiền	Viện Phát triển Ứng dụng	80,7	Tốt
216.	Nghiên cứu hướng của quá trình chần đến hàm lượng polyphenol và acid rosmarinic trong lá cây kinh giới Việt Nam (<i>Elsholtzia ciliata</i>)	Nguyễn Minh Đạt Nguyễn Thị Mai Linh Nguyễn Hà Khả Tú	2124202010087 2125401010272 2125401010270	D21CNSH01 D21CNP01 D21CNP01	Trương Nguyễn Phương Vi	Viện Phát triển Ứng dụng	82,3	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
217.	Sử dụng bùn thải ao nuôi cá Lóc (<i>Chana striata</i>) làm phân hữu cơ trồng rau Mồng tơi (<i>Basella alba</i>)	Nguyễn Minh Cẩn Nguyễn Huỳnh Thúy Nga	2124202010030 2124202010055	D21CNSH01 D21CNSH01	Đặng Trung Thành	Viện Phát triển Ứng dụng	81,3	Tốt
218.	Nghiên cứu quy trình sản xuất bột lá dứa	Đào Thị Mai Quỳnh	2124202010004	D21CNSH01	Phạm Thị Mỹ Trâm	Viện Phát triển Ứng dụng	87,3	Tốt
219.	Đánh giá thích nghi cây cao su trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Mai Công Danh Đỗ Văn An Giang Thành Công Trần Nghĩa Trung Tạ Quang Linh	2028501030051 2028501030954 2028501030090 2028501030008 2028501030080	D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01	Nguyễn Hồng Lanh	Khoa Khoa học Quản lý	68,0	Khá
220.	Đánh giá thực trạng công tác giải quyết tranh chấp về đất đai trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Văn Ngọc Ái Thy Bùi Huỳnh Thanh Ngân Nguyễn Tuấn Hạ Trịnh Gia Linh Võ Minh Thùy	2028501030058 2028501030046 2028501030061 2028501030103 2028501030042	D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01	Nguyễn Hồng Lanh	Khoa Khoa học Quản lý	76,3	Khá
221.	Ứng dụng phần mềm Vilis để cập nhật chính lý biến động phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Nguyễn Thị Như Quỳnh Nguyễn Ngọc Được Nguyễn Võ Thị Kim Liễu Hà Gia Huệ	2028501030012 2028501030025 2028501030022 2028501030020	D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01	Nguyễn Hồng Lanh	Khoa Khoa học Quản lý	78,0	Khá
222.	Đánh giá công tác quy hoạch sử dụng đất phát triển du lịch sinh thái kết hợp tham quan di tích lịch sử tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thành Nhân Hứa Dĩ Cường Nguyễn Trọng Nhất Duy Nguyễn Chí Hùng	2028501030070 2028501030091 2028501030097 2228501030145	D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D22QLDD01	Lê Thị Lan Trâm	Khoa Khoa học Quản lý	81,67	Tốt
223.	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Chí Dân, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Trần Đình Siêu Nguyễn Ngọc Quế Trân Lê Thị Cát Tường Phạm Thị Bích Kiều Trần Huỳnh Trung Trực	2028501030013 2028501030050 2028501030120 2028501030003 2028501030016	D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01 D20QLDD01	Lê Thị Lan Trâm	Khoa Khoa học Quản lý	77,3	Khá
224.	Đánh giá thực trạng thống kê, kiểm kê đất đai trên địa	Lại Thị Thanh Bình	2128501030092	D21QLDD01	Lê Thị Lan Trâm	Khoa Khoa học Quản lý	74,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	bản phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, Gia Lai							
225.	Ứng dụng công nghệ 3D GIS mô phỏng không gian khu vực trung tâm hành chính Thành Phố Mới Bình Dương	Nguyễn Thành Tuấn Huỳnh Thị Thảo Nhi	1928501030051 2025801050017	D19DD01 D20QHDT01	Nguyễn Lê Tấn Đạt	Khoa Khoa học Quản lý	78,3	Khá
226.	Ứng dụng GIS số hoá cơ sở dữ liệu không gian khuôn viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Việt Hùng Bùi Tấn Đạt Ngô Đức Trung Võ Anh Tài	2028501030021 2028501030073 2128501030053 2128501030218	D20QLDD01 D20QLDD01 D21QLDD01 D21QLDD01	Nguyễn Lê Tấn Đạt	Khoa Khoa học Quản lý	84,3	Tốt
227.	Xây dựng hiện trạng dữ liệu cây xanh trường Đại học Thủ Dầu Một	Từ Minh Hải	2028501010092	Từ Minh Hải	Nguyễn Lê Tấn Đạt	Khoa Khoa học Quản lý	84,3	Tốt
228.	Ứng dụng công nghệ viễn thám , GIS đánh giá biến động lớp phủ bề mặt và ảnh hưởng đến tài nguyên đất tỉnh Bình Dương	Nguyễn Thị Ngọc Nguyễn Thành Tuấn	2128501030226 1928501030051	D21QLDD01 D19DD01	Trần Thị Ân	Khoa Khoa học Quản lý	78,3	Khá
229.	Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS đánh giá biến động diện tích trồng cây cao su tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000 - 2020	Nguyễn Ngọc Được	2028501030025	D20QLDD01	Trần Thị Ân	Khoa Khoa học Quản lý	75,0	Khá
230.	Ứng dụng công nghệ viễn thám đánh giá biến động không gian xanh đô thị thành phố Thủ Dầu Một giai đoạn 2010-2022	Tạ Mạnh Thủy Tiên Nguyễn Trung Thảo	1928501030098 1928501030017	D19DD01 D19DD01	Trần Thị Ân	Khoa Khoa học Quản lý	84,67	Tốt
231.	Xác định khía cạnh môi trường theo tiêu chuẩn iso 14001 tại cơ sở sản xuất nội thất Đại Việt Mộc	Lê Thị Thu Thảo Ngô Anh Tuấn Nguyễn Thành Phúc Bồ Minh Thuận Nguyễn Hồng Hải Duy	1928501010019 1928501010086 1928501010023 1928501010040 2228501010194	D19QM01 D19QM01 D19QM01 D19QM01 D22QLSMT01	Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Khoa Khoa học Quản lý	74,67	Khá
232.	Xác định khía cạnh môi trường theo tiêu chuẩn iso 14001 tại xưởng gỗ Hoàng	Nguyễn Bích Ngọc Nguyễn Minh Thúy Trần Ngọc Trang Thanh	1928501010033 1928501010165 1928501010032	D19QM01 D19QM01 D19QM01	Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Khoa Khoa học Quản lý	71,33	Khá



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	Lâm Ngọc	Võ Thanh Sơn Châu Gia Bảo	1928501010007 1928501010018	D19QM01 D19QM01				
233.	Xác định khía cạnh môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 tại Cơ sở sản xuất bún tươi ADN	Nguyễn Quốc Phúc Nguyễn Thị Hương Giang Nguyễn Thị Kim Ngân Nguyễn Thị Ngọc Trang Nguyễn Thị Phương Thanh	1928501010055 2228501010107 2228501010065 2228501010079 2228501010159	D19QM02 D22QLMT01 D22QLMT01 D22QLMT01 D22QLMT01	Bùi Thị Ngọc Bích	Khoa Khoa học Quản lý	86,0	Tốt
234.	Đánh giá khả năng ứng dụng than sinh học điều chế từ phế phẩm của quá trình sản xuất tôm trong hấp thụ thuốc nhuộm màu	Nguyễn Thành Công Bùi Quang Thanh Dương vệ Quốc Võ Thị Thảo Nguyên	1928501010049 1928501010087 1928501010067 1928501010021	D19QM02 D19QM02 D19QM02 D19QM02	Trần Thị Anh Thư	Khoa Khoa học Quản lý	85,0	Tốt
235.	Nghiên cứu tận dụng bã cà phê làm giá thể trồng nấm bào ngư xám (Pleurotus Sajor – caju)	Nguyễn Hoàng Tiến Nguyễn Thị Ngọc Phạm Lê Minh Thiện Phạm Anh Thư	2128501030054 2128501030226 2128501030220 2128501030093	D21QLDD01 D21QLDD01 D21QLDD01 D21QLDD01	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học Quản lý	83,3	Tốt
236.	Đánh giá khả năng ứng dụng than sinh học điều chế từ vỏ trấu xử lý ô nhiễm kim loại đồng trong đất	Nguyễn Thị Cẩm Hà Tư Minh Hải	2028501010001 2028501010092	D20QLMT01 D20QLMT01	Trần Thị Anh Thư	Khoa Khoa học Quản lý	80,0	Tốt
237.	Đánh giá nhận thức của sinh viên ngành Quản lý nhà nước, trường Đại học Thủ Dầu Một về vấn đề Biến đổi khí hậu	Ngô Trần Sang Bùi Quốc Bảo Huỳnh Gia Như Nguyễn Thị Kim Trang Phạm Nguyễn Hà Như Quỳnh	2128501010037 2128501010137 2128501010169 2128501010189 2128501010138	D21QLMT01 D21QLMT01 D21QLMT01 D21QLMT01 D21QLMT01	Nguyễn Thị Loan	Khoa Khoa học Quản lý	77,0	Khá
238.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về "Biến đổi khí hậu" của sinh viên khoa Khoa học quản lý - Trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Hữu Trí Nguyễn Thành Đạt Nguyễn Ngọc Thiện Phạm Khắc Khoa	2028501010164 2028501010057 2028501010009 2028501010174	D20QLMT01 D20QLMT01 D20QLMT01 D20QLMT01	Nguyễn Thị Loan	Khoa Khoa học Quản lý	81,0	Tốt
239.	Đánh giá chất lượng không khí tại Tỉnh Bình Dương bằng phương pháp nội suy GIS	Lê Văn Hùng Nguyễn Thị Bích Ngọc	1928501010117 1928501010022	D19QM02 D19QM01	Nguyễn Thị Loan	Khoa Khoa học Quản lý	84,0	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
240.	Thực trạng công tác thanh kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên Môi trường ở Bình Dương	Lã Thị Minh Thư Hà Thanh Nhân Nguyễn Ngọc Bạch Yến Lê Thị Ánh Tuyết Nguyễn Trọng Phúc	2028501010161 2028501010150 2028501010170 2028501010167 2028501010169	D20QLMT01 D20QLMT01 D20QLMT01 D20QLMT01 D20QLMT01	Nguyễn Thanh Quang	Khoa Khoa học Quản lý	77,0	Khá
241.	Tính toán khía cạnh môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 tại Cty TNHH MTV Lan Anh Bình Dương	Mai Gia Huy Đỗ Ngọc Thúy Ngân Trần Yến Vy Trang Thanh Hưng	1928501010095 1928501010005 1928501010004 1928501010042	D19QM01 D19QM01 D19QM01 D19QM01	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học Quản lý	80,0	Tốt
242.	Nghiên cứu sản phẩm thẩm hút ván dầu bằng nguyên liệu tóc	Nguyễn Thị Mai Thảo Lê Cẩm Duyên Nguyễn Quỳnh Anh Hoàng Ngọc Đoàn Trang Võ Nhật Quang	2128501010178 2128501010088 2128501010141 2128501010188 2128501010006	D21QLMT01 D21QLMT01 D21QLMT01 D21QLMT01 D21QLMT01	Nguyễn Thị Xuân Hạnh	Khoa Khoa học Quản lý	86,0	Tốt
243.	Ứng dụng GIS xây dựng bản đồ ô nhiễm bụi tại thành phố Thuận An	Nguyễn Thanh Dương Nguyễn Hồng Ngọc Võ Thị Thảo Nguyên	1928501010107 1928501010048 1928501010021	D19QM02 D19QM02 D19QM02	Bùi Phạm Phương Thanh	Khoa Khoa học Quản lý	80,0	Tốt
244.	Đánh giá hiện trạng ô nhiễm không khí do giao thông tại các chốt ngã tư gần khu công nghiệp thuộc thành phố Thuận An	Nguyễn Thị Kim Lan	1928501010128	D19QM02	Trần Thị Anh Thư	Khoa Khoa học Quản lý	81,33	Tốt
245.	Đánh giá chất lượng không khí thành phố Thuận An thông qua chỉ số AQI	Phùng Tổ Uyên Nguyễn Thị Cẩm Hà	1928501010085 2028501010001	D19QM01 D20QLMT01	Bùi Phạm Phương Thanh	Khoa Khoa học Quản lý	79,0	Khá
246.	Đánh giá chất lượng không khí thành phố Dĩ An thông qua chỉ số AQI	Phan Ngọc Trâm Nguyễn Khánh Linh Đặng Ngọc Mai Trang Nguyễn Thanh Dương	1928501010047 1928501010050 1928501010056 1928501010107	D19QM02 D19QM02 D19QM02 D19QM02	Bùi Phạm Phương Thanh	Khoa Khoa học Quản lý	85,0	Tốt
247.	Nghiên cứu chế tạo vật liệu TiO ₂ /g- C ₃ N ₄ ứng dụng trong xử lý khí NO	Nguyễn Phương Hạnh	1924403010031	D19MTKT01	Lê Thị Phơ	Khoa Khoa học Quản lý	80,0	Tốt
248.	Sử dụng phương pháp TOPSIS và AHP để lựa chọn công nghệ xử lý nước thải cho nhà máy Poong In Vina	Đặng Tuấn Hải	1924403010006	D19MTKT01	Nguyễn Hiền Thân	Khoa Khoa học Quản lý	88,0	Tốt



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
249.	Ứng dụng GIS và viễn thám đánh giá khả năng hấp thụ CO ₂ của mảng xanh tại thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Lê Phan Hoài Khương Huỳnh Thị Kim Ngân Võ Thị Thanh Ngân Mai Thành Anh	2024403010016 2024403010034 2024403010008 2024403010040	D20KHMT01 D20KHMT01 D20KHMT01 D20KHMT01	Nguyễn Huỳnh Anh Tuyết	Khoa Khoa học Quản lý	77,0	Khá
250.	Đánh giá khả năng hấp thụ khí CO ₂ của mảng xanh tại trường Đại học Thủ Dầu Một	Huỳnh Thị Kim Ngân Lê Phan Hoài Khương Võ Thị Thanh Ngân Mai Thành Anh	2024403010034 2024403010016 2024403010008 2024403010040	D20KHMT01 D20KHMT01 D20KHMT01 D20KHMT01	Nguyễn Hiền Thân	Khoa Khoa học Quản lý	78,0	Khá
251.	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp sản xuất sạch hơn cho cơ sở chế biến da heo chiên giòn Minh Hùng	Mai Thành Anh Huỳnh Thị Kim Ngân Lê Phan Hoài Khương Võ Thị Thanh Ngân	2024403010040 2024403010034 2024403010016 2024403010008	D20KHMT01 D20KHMT01 D20KHMT01 D20KHMT01	Hồ Bích Liên	Khoa Khoa học Quản lý	82,7	Tốt
252.	Nghiên cứu chế tạo vật liệu S-TiO ₂ ứng dụng xử lý khí NO trong môi trường	Huỳnh Xuân Thành	1924403010044	D19MTKT01	Lê Thị Phơ	Khoa Khoa học Quản lý	88,7	Tốt
253.	Hình phạt đối với tội phạm là người dưới 18 tuổi trong luật hình sự	Trần Thị Quỳnh Nguyễn Thị Kim Thanh	2123801010496 2123801010067	D21LUAT03 D21LUAT03	Nguyễn Khánh Hùng	Khoa Khoa học Quản lý	61,0	Đạt
254.	Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác – Thực trạng tại Bình Dương hiện nay	Phạm Thị Lan Hương Trần Minh Hoàng Phan Thị Hồng Gấm Phan Ngọc Như Yến Nguyễn Thị Thu Quyên	2023801010144 2023801010132 2023801010498 2023801010205 2023801011024	D20LUAT05 D20LUAT04 D20LUAT04 D20LUAT02 D20LUAT02	Nguyễn Khánh Hùng	Khoa Khoa học Quản lý	60,0	Đạt
255.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc theo Bộ luật dân sự năm 2015	Nguyễn Hoàng Phát Đoàn Thị Mai	2123801011141 2123801010027	D21LUAT01 D21LUAT04	Nguyễn Thị Khánh Ly	Khoa Khoa học Quản lý	97,0	Xuất sắc
256.	Người lập di chúc quy định tại Bộ luật dân sự 2015 Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện	Phạm Công Linh Huỳnh Phương Anh	2123801011031 2123801010760	D21LUAT08 D21LUAT08	Nguyễn Thị Khánh Ly	Khoa Khoa học Quản lý	52,8	Đạt
257.	Pháp luật Việt Nam về quyền của con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn	Nguyễn Kim Ngân Nguyễn Quân	2123801010002 2123801011179	D21LUAT05 D21LUAT07	Nguyễn Thị Hồng Trang	Khoa Khoa học Quản lý	92,7	Tốt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
258.	Trả lại đơn khởi kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện	Lê Đức Anh	1923801010317	D19LUQT01	Mai Thị Mị	Khoa Khoa học Quản lý	90,0	Tốt
259.	Quyền hưởng dụng theo pháp luật Việt Nam, lý luận và thực tiễn	Nguyễn Duy Khang Trương Thị Cao Vân Mai Thị Huyền Trang Nguyễn Thành Phú	2023801011026 2023801010991 2023801010014 2023801010814	D20LUAT03 D20LUAT01 D20LUAT05 D20LUAT02	Nguyễn Thanh Phúc	Khoa Khoa học Quản lý	91,3	Tốt
260.	Nghiên cứu về ý thức, thái độ của người dân Việt Nam trong việc phòng chống dịch Covid19	Phạm Ông Ngọc Trúc Lê Anh Thy Dương Thị Ngọc Trinh Nguyễn Anh Thư PHALINTHONE Thitsavanh	2223102050228 2223102050402 2223102050394 2223102050403 23L23102050421	D22QLNN03 D22QLNN03 D22QLNN03 D22QLNN03 D22QLNN03	Ngô Hoài Sơn	Khoa Khoa học Quản lý	67,0	Khá
261.	Văn hóa ứng xử của sinh viên ngành Quản lý nhà nước trường Đại học Thủ Dầu Một	Ngô Bích Thủy Ngô Kỳ Duyên Quảng Thị Lan Anh Lý Quang Huy	2223102050285 2223102050329 2223102050127 2223102050100	D22QLNN03 D22QLNN03 D22QLNN03 D22QLNN03	Ngô Hoài Sơn	Khoa Khoa học Quản lý	73,0	Khá
262.	Các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông hiện nay	Thị Rinh Đinh Thị Ngọc Nguyễn Hồng Nhi	2223102050011 2223102050126 2223102050083	D22QLNN01 D22QLNN01 D22QLNN01	Ngô Hoài Sơn	Khoa Khoa học Quản lý	70,0	Khá
263.	Quan hệ văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc từ 1992 - 2022	Nguyễn Huyền Huệ Nhung	1923106010001	D19QHO01	Nguyễn Hoàng Huệ	Khoa Khoa học Quản lý	78,33	Khá
264.	Vai Trò Của Việt Nam Trong Cộng Đồng Kinh Tế ASEAN	Nguyễn Ngọc Tường Vy	1923106010021	D19QHO01	Ngô Hồng Điệp	Khoa Khoa học Quản lý	69,33	Khá
265.	Hành lang kinh tế Trung Quốc - Pakistan (CPEC): 2015-2022	Dương Kim Quyên	2123102060027	D21QHQT01	Nguyễn Thị Mai	Khoa Khoa học Quản lý	91,67	Tốt
266.	Quan hệ Việt - Lào từ 1930 đến nay	Lê Thị Minh Thư Nguyễn Thị Bảo Trâm	2123102060258 2123102060051	D21QHQT01 D21QHQT01	Vương Quốc Khanh	Khoa Khoa học Quản lý	72,0	Khá
267.	Tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh trong thời kỳ hội	Phạm Thị Huyền	2023106010073	D20QTHO01	Nguyễn Phương Lan	Khoa Khoa học Quản lý	75,0	Khá



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	nhập quốc tế							
268.	Nghiên cứu động từ năng nguyện “能” và “可以” trong tiếng Hán (đối chiếu với từ “có thể” trong tiếng Việt)	Nguyễn Thị Đào	21C2202040011	K212BV.NNTQ01	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Khoa Ngoại ngữ	84,3	Tốt
269.	Thành ngữ có thành tố chỉ màu sắc từ tiếng Việt và tiếng Trung Quốc trong đời sống hàng ngày	Trần Thoại Ngọc	21C2202040019	K212BV.NNTQ01	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Khoa Ngoại ngữ	78,6	Khá
270.	Nghiên cứu tình hình học môn tiếng Trung Quốc thương mại của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương	Quách Nghĩa Hậu Hoàng Thị Trâm Phạm Thị Xuân Trâm	2022202040729 2022202041118 2022202040075	D20NNTQ03 D20NNTQ03 D20NNTQ05	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Khoa Ngoại ngữ	79,0	Khá
271.	Phân tích những lỗi sai thường gặp khi phát âm tiếng Trung Quốc của sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Thanh Hiếu Trần Thị Kim Tho Nguyễn Thị Hoàng Diệu	2122202040365 2122202040138 2122202040170	D21NNTQ04 D21NNTQ04 D21NNTQ01	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Khoa Ngoại ngữ	76,0	Khá
272.	Nghiên cứu về lỗi thanh điệu trong tiếng Trung của sinh viên năm nhất trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Nghĩa Phụng	2122202041123	D21NNTQ09	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Khoa Ngoại ngữ	76,0	Khá
273.	Giải pháp áp dụng mô hình học tập theo nhóm vào dạy và học kỹ năng nói tiếng Trung (ngành Ngôn ngữ Trung Quốc) tại trường Đại học Thủ Dầu Một	Phan Văn Kiệt	2022202040445	D20NNTQ02	TS. Phùng Nguyễn Trí Thông	Khoa Ngoại ngữ	77,0	Khá
274.	Khảo sát một số lỗi sai khi sử dụng thành ngữ tiếng Trung của sinh viên năm 4 trường Đại học Thủ Dầu	Phan Tuấn Cường	21C2202040031	K212BV. NNTQ01	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Khoa Ngoại ngữ	73,8	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	Một							
275.	So sánh từ “要” trong tiếng Hán hiện đại với các từ “muốn, cần, nên, sẽ” trong tiếng Việt	Phan Thị Thanh Kiều	21C2202040016	K212BV. NNTQ01	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Khoa Ngoại ngữ	77,8	Khá
276.	So sánh đối chiếu những thành ngữ có thành tố chỉ con số trong tiếng Việt và tiếng Trung	Đặng Thị Mỹ Huyền	21C2202040033	K212BV.NNTQ01	TS. Nguyễn Ngọc Thiên Kim	Khoa Ngoại ngữ	76,3	Khá
277.	Nghiên cứu khả năng ứng dụng thành ngữ tiếng Hán trong giao tiếp của khóa D21 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Lê Na Nguyễn Thị Huế Huỳnh Ngọc Điệp Lê Thị Thu Hiền	2122202041037 2122202040005 2122202040611 2122202040019	D21NNTQ03 D21NNTQ01 D21NNTQ05 D21NNTQ01	ThS. Đoàn Văn Hào	Khoa Ngoại ngữ	75,0	Khá
278.	Đề xuất phương pháp học các cặp chữ hán gần giống nhau đối với sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Lý Mỹ Tuyền Nguyễn Tuyết Nhi	2022202040014 2022202040015	D20NNTQ06 D20NNTQ06	ThS. Phạm Nguyễn Nhật Minh	Khoa Ngoại ngữ	81,0	Tốt

Danh sách này có 278 đề tài do 733 sinh viên thực hiện.

Số: 1187/QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Cấp giấy chứng nhận cho các sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp đơn vị năm học 2022-2023 (Đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-HĐTr (KH) ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Thủ Dầu Một năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-ĐHTDM ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Trường Đại học Thủ Dầu Một thành lập các Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2022-2023 (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-ĐHTDM ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Trường Đại học Thủ Dầu Một thành lập các Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2022-2023 (Đợt 2);

Căn cứ Biên bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2022 – 2023 (Đợt 2) của các đơn vị;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học và Lãnh đạo các khoa/viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cho các sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp đơn vị năm học 2022 – 2023 đã được nghiệm thu và có kết quả Đạt (gồm 51 đề tài có danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Khoa học phối hợp với các đơn vị có liên quan cấp Giấy chứng nhận cho sinh viên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trường phòng Khoa học, Trường phòng Tài chính - Kế toán, Trường các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KH.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Quốc Cường

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH

Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên cấp đơn vị năm học 2022-2023 được cấp Giấy chứng nhận (Đợt 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1187/QĐ-ĐHTDM ngày 09 tháng 10 năm 2023)

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
1.	Tác động của thanh khoản lên hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Thương mại tại Việt Nam	Đặng Thị Thanh Thảo	2123402010281	D21TCNH02	ThS. Đoàn Việt Hùng	Khoa Kinh tế	82	Tốt
2.	Một số giải pháp nâng cao sự hài lòng của sinh viên về chất lượng dịch vụ thư viện Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phạm Thị Như Quỳnh (trưởng nhóm) Lê Thị Kim Phấn Vũ Ngọc Trâm	2023401010070 2023401010384 2023401010083	D20QTKD07 D20QTKD07 D20QTKD07	ThS. Nguyễn Nam Khoa	Khoa Kinh tế	80	Tốt
3.	Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn Cao Hoàng Trinh (trưởng nhóm) Nguyễn Thị Dạ Thảo	2023402011009 2023402010963	D20TCNH04 D20TCNH04	ThS. Đoàn Việt Hùng	Khoa Kinh tế	82	Tốt
4.	Tác động của rủi ro tín dụng đến hiệu quả kinh doanh – Trường hợp một số ngân hàng thương mại Việt Nam	Đinh Nguyễn Bích Trâm (trưởng nhóm) Nguyễn Lê Thanh Tuyền	1923402010427 1923402010410	D19TC04 D19TC04	ThS. Phạm Minh Quyền	Khoa Kinh tế	81	Tốt
5.	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ app MB	Nguyễn Ái Quy (trưởng nhóm) Nguyễn Thanh Phương	1923402010361 1923402010214 1923402010020	D19TC03 D19TC03 D19TC03	ThS. Phạm Minh Quyền	Khoa Kinh tế	80	Tốt



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội	Huỳnh Thị Kiều My						
6.	Các nhân tố tác động đến ý định mua hàng bằng hình thức webrooming của giới trẻ tại Bình Dương	Phan Huỳnh Thi Xuân	2025106050686	D20LOQL01	ThS. Nguyễn Nhật Khánh Uyên	Khoa Kinh tế	77	Khá
7.	Phân tích nhân tố tác động đến sự hợp tác trong chuỗi cung ứng giữa các doanh nghiệp logistics tại Bình Dương	Nguyễn Thị Thảo Trang (<i>trưởng nhóm</i>) Võ Kim Bằng Hồ Minh Hương	20c3401010033 2125106050012 2123401010954	K203VV.QTKD 01 D21LQOL02 D21QTKD10	TS. Nguyễn Hán Khanh	Khoa Kinh tế	85	Tốt
8.	Thiết kế và dạy học bài tập nội dung số và phép tính để phát triển các thao tác tư duy cho học sinh lớp 4	Lê Chí Bảo (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Thị Thanh Nghi Võ Thị Kim Ngà	2021402020030 2021402020036 2021402020430	D20GDTH03 D20GDTH03 D20GDTH03	ThS. Đoàn Thị Diễm Ly	Khoa Sư phạm	65	Khá
9.	Thiết kế bài tập và hoạt động dạy học nội dung toán có lời văn để phát triển tư duy toán cho học sinh lớp 4	Huỳnh Thị Thu Huyền (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Thị Kiều Trâm Nguyễn Thị Ngọc Trân	2021402020349 2021402020610 2021402020617	D20GDTH04 D20GDTH03 D20GDTH03	ThS. Đoàn Thị Diễm Ly	Khoa Sư phạm	50	Đạt
10.	Giáo dục đạo đức, tâm hồn cho học sinh qua truyện cổ dân gian trong chương trình tiếng Việt ở Tiểu học	Nguyễn Thị Ngọc Thu (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Thị Ngọc Diễm Hoàng Thị Thanh Phương Vũ Thị Thanh	2021402020001 2021402020269 2021402020506 2021402020532	D20GDTH04 D20GDTH04 D20GDTH04 D20GDTH04	ThS. Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Sư phạm	60	Đạt
11.	Biện pháp rèn kỹ	Dương Thị Thơm	2021402010032	D20GDMN01	ThS. Ninh Thị	Khoa Sư	70	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	năng vận động tinh cho trẻ 5 – 6 tuổi chuẩn bị vào phổ thông				Thúy Nga	phạm		
12.	Biện pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học theo hướng trải nghiệm cho trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi ở trường mầm non Tuổi Ngọc	Võ Trinh Nữ	2021402010014	D20GDMN01	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tâm	Khoa phạm Sư	68	Khá
13.	Tổ chức hoạt động cho trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với số lượng theo hướng trải nghiệm	Dương Hoàng Thiên Trang (<i>trưởng nhóm</i>) Trương Thị Hồng Nhung Lê Nguyễn Thùy Dương Huỳnh Mỹ Anh Phạm Thị Hương Trà	2121402010019 2121402010060 2121402010041 2121402010003 2121402010083	D21GDMN01	ThS. Nguyễn Thị Hoàng Vi	Khoa phạm Sư	68	Khá
14.	Thực trạng giáo dục giới tính cho trẻ 5-6 tuổi	Nguyễn Ngọc Trân (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Lê Yến Nhi Trần Thị Ngọc Nhi Vũ Thị Thảo Hiếu Nguyễn Thị Thùy Trang	2121402010072 2121402010058 2121402020059 2121402010046 2121402010070	D21GDMN01	ThS. Phan Tú Anh	Khoa phạm Sư	76	Khá
15.	Biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự nhận thức cho học sinh lớp 3 tại trường Tiểu học Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	Phạm Thụy Thùy Trâm (<i>trưởng nhóm</i>) Phạm Thị Hà Thanh Thị Nguyễn Kiều Trân	2121401010027 2121401010056 2121401010001	D21GDHO01	TS. Nguyễn Ngọc Quý	Khoa phạm Sư	52,7	Đạt
16.	Biện pháp giáo dục kỹ năng tự vệ cho	Trần Thị Mai Ly	2121401010155	D21GDHO01	ThS. Trương Thị Thủy Tiên	Khoa phạm Sư	77,0	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	học sinh tại Trường Tiểu Học Phú Hoà 2, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương							
17.	Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 2 tại trường Tiểu học Phú Hòa 3, thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương (2021 – 2022)	Tô Ngọc Thùy Dương	2021401010004	D20GDHO01	ThS. Lê Thị Hồng Xuân	Khoa Sư phạm	75	Khá
18.	Ảnh hưởng bạo lực học đường ảnh hưởng đến tình bạn của học sinh trung học cơ sở Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Mai Thanh Nguyễn Thị Thanh Thủy Nguyễn Nam Anh Nguyễn Trần Nhi Bình	2023104010131 2223104010259 2223104010236 2223104010257	D20TLHO01 D20TLHO01 D20TLHO01 D20TLHO01	TS. Đồng Văn Toàn	Khoa Sư phạm	63,7	Đạt
19.	Thái độ của cha mẹ đối với con mắc chứng tự kỷ trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Trần Thị Việt Trinh Lê Ngọc Diệu Đào Đông Nhi Đàm Văn Tâm Trần Đào Hữu Tài	1923104010004 1923104010052 1923104010007 1923104010120 1923104010120	D19TL01 D19TL01 D19TL01 D19TL01 D19TL01	ThS. Nguyễn Thị Tuấn Anh	Khoa Sư phạm	67	Đạt
20.	Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên ngành Tâm lý học ở Trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Trung Tín Ngô Hồng Dưỡng Naghi Cao Thị Hoa Nguyễn Ngọc Phương Nghi	2223104010304 2123104010110 2123104010065 2123104010197	D22TLHO01 D21TLHO01 D21TLHO01 D21TLHO01	ThS. Phạm Nguyễn Lan Phương	Khoa Sư phạm	62	Đạt
21.	Nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp	Lê Thị Thảo (trưởng nhóm)	1923104010005 1923104010152	D19TL01 D19TL01	ThS. Trần Kim An	Khoa Sư phạm	64	Đạt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	của sinh viên Sư phạm Trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Du Nguyễn Văn Định Nguyễn Thị Hoàng Yến Nguyễn Minh Thư	2023104010120 2023104010127 2023104010022	D19TL01 D19TL01 D19TL01				
22.	Khó khăn tâm lý trong hướng nghiệp của học sinh lớp 12 trường THPT Trần Phú Tân Biên- Tây Ninh	Nguyễn Du (<i>trưởng nhóm</i>) Bùi Phương Thủy Nguyễn Thái Thu Hương Đỗ Thanh Phong Nguyễn Tấn Tài	1923104010152 1923104010031 1923104010041 1923104010110 1923104010157	D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01	ThS. Trần Kim An	Khoa Sư phạm	66	Đạt
23.	Hứng thú học tập đối với môn lịch sử của học sinh trường THPT An Mỹ tỉnh Bình Dương	Nguyễn Đức Huy (<i>trưởng nhóm</i>) Đỗ Thiết Hồng Nam Trần Thị Ngọc Châm Nguyễn Thị Ngọc Diễm Nguyễn Thị Trúc Lam	1923104010084 1923104010021 1923104010040 1923104010062 1923104010088	D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01	ThS. Trịnh Thị Cẩm Tuyền	Khoa Sư phạm	67	Đạt
24.	Stress của sinh viên chuyên ngành tâm lý học trường đại học Thủ Dầu Một	Lý Nguyễn Sơn Tùng (<i>trưởng nhóm</i>) Chu Đình Tài Đinh Thị Dung Nhi Hồ Thiên Khương Huỳnh Thị Thanh Hương	1923104010020 1923104010153 1923104010106 1923104010009 1923104010009	D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01 D19TLHO01	ThS. Trịnh Thị Cẩm Tuyền	Khoa Sư phạm	68	Đạt
25.	Tính tích cực học tập môn Tâm lý học của sinh viên năm nhất Khoa Sư phạm trường đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Hồng Việt (<i>trưởng nhóm</i>) Bùi Tân Lộc Vũ Anh Thư Dương Ngọc Lan Nguyễn Thị Tân Triều	2123104010121 2123104010226 2123104010048 2123104010031 2123104010043	D21TLHO01 D21TLHO01 D21TLHO01 D21TLHO01 D21TLHO01	ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương	Khoa Sư phạm	53,3	Đạt
26.	Stress trong hoạt	Nguyễn Ngọc Kim Thanh	2023104010132	D20TLHO01	ThS. Nguyễn Thị	Khoa Sư	65,7	Khá



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	động học tập của sinh viên Khoa Sư phạm Trường Đại học Thủ Dầu Một	(<i>trưởng nhóm</i>) Lê Cao Phương Linh Đỗ Hoàng Khánh Bằng Huỳnh Gia Nghi Trần Bảo Mạnh	2123104010118 2123104010135 2223104010306 2223104010274	D20TLHO01 D20TLHO01 D20TLHO01 D20TLHO01	Thanh Phương	phạm		
27.	Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một	Lý Ngọc Hà (<i>trưởng nhóm</i>) Vương Mỹ Hạnh Lê Thị Hồng Đào Phan Quang Tiến	2022290400007 2022290400006 2022290400008 2022290400045	D20VHHO01 D20VHHO01 D20VHHO01 D20VHHO01	ThS. Trần Duy Khương	Khoa Công nghiệp Văn hóa	70	Khá
28.	Tổ chức cảnh quan công viên Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Diễm Thi (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Anh Thư Huỳnh Thị Thảo Nhi Trần Thị Thúy Vy	2025801050032 2025801050004 2025801050017 2025801050015	D20QHDT01 D20QHDT01 D20QHDT01 D20QHDT01	ThS. Cù Thị Ánh Tuyết	Khoa Kiến trúc	59	Đạt
29.	Thiết kế mới sản phẩm bàn ghế đôi dành cho sinh viên	Nguyễn Thị Hà Phương (<i>trưởng nhóm</i>) Trần Phan Quyết	1925490010009	D19CB01	ThS. Tường Thị Thu Hằng	Khoa Kiến trúc	73,6	Khá
30.	Thiết kế mới ghế có bàn viết sử dụng cho sinh viên thuận tay trái và tay phải	Lê Minh Tân (<i>trưởng nhóm</i>) Trần Thị Quỳnh Ái	1925490010015 1925490010029	D19CB01 D19CB01	ThS. Lê Công Huân	Khoa Kiến trúc	69,3	Khá
31.	Số sánh hoạt tính kháng oxy hóa của một số loài thực vật thuộc họ Laminacea	Nguyễn Đoàn Hoài Phong	2124202010010	D21CNSH01	ThS. Huỳnh Anh Tuấn	Viện Phát triển ứng dụng	79	Khá
32.	Nghiên cứu sàng lọc nhóm thực vật có giá trị dược liệu tại Bình Dương làm ứng viên cho nước súc họng kháng khuẩn	Hoàng Ngọc Lan (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Thị Thu Thủy Vũ Thị Trang Bùi Thị Kiều Oanh Nguyễn Bá Thành	2224202010196 2224202010193 2224202010088 2224202010110 2224202010020	D22CNSH01 D22CNSH01 D22CNSH01 D22CNSH01 D22CNSH01	ThS. Nguyễn Bá Tư	Viện Phát triển ứng dụng	76	Khá

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
33.	Nghiên cứu phân lập một số chủng nấm men, nấm mốc có trong bánh men lá ở Hà Giang	Nguyễn Ngọc Trâm (trưởng nhóm) Trần Huyền Trang	2224202010223 2224202010222	D22CNSH01 D22CNSH01	ThS. Nguyễn Bằng Phi	Viện Phát triển ứng dụng	75	Khá
34.	Nghiên cứu phân lập chủng nấm mốc tạo enzyme protease hoạt tính cao từ bánh men rượu	Nguyễn Thị Khánh Vy (trưởng nhóm) Hồ Ngọc Ngân Lê Thanh Nhi	2224202010224 2224202010163 2224202010203	D22CNSH01 D22CNSH01 D22CNSH01	ThS. Nguyễn Bằng Phi	Viện Phát triển ứng dụng	75	Khá
35.	Khảo sát các nguồn nguyên liệu chính trong quá trình tạo vật liệu hữu cơ thay thế xốp	Nguyễn Thị Phương Linh (trưởng nhóm) Lê Chí Nguyễn Lữ Thị Trà My	2224202010216 2224202010218 2224202010217	D22CNSH01 D22CNSH01 D22CNSH01	ThS. Nguyễn Vinh Hiền	Viện Phát triển ứng dụng	76,3	Khá
36.	Khảo sát tình hình nhiễm vi khuẩn trên rau xà lách và thử nghiệm một số phương pháp kiểm soát nhiễm khuẩn	Phạm Nguyễn Dương Triệu Vy	2025401010154	D20CNTTP01	ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo	Viện Phát triển ứng dụng	77	Khá
37.	Khảo sát tình hình nhiễm vi khuẩn trên thị heo và thử nghiệm một số phương pháp kiểm soát nhiễm khuẩn	Nguyễn Minh Trí	2025401010125	D20CNTTP01	ThS. Nguyễn Anh Dũng	Viện Phát triển ứng dụng	79,3	Khá
38.	Khảo sát tình hình nhiễm vi khuẩn trên thịt bò và thử nghiệm một số phương pháp kiểm soát nhiễm khuẩn	Vũ Thị Phi Yến	2025401010026	D20CNTTP01	ThS. Nguyễn Anh Dũng	Viện Phát triển ứng dụng	79	Khá



STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
39.	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lên men bia từ dịch ép thanh long ruột đỏ (<i>Hylocereus costaricensis</i>)	Nguyễn Thị Mai Linh	2125401010272	D21CNTP01	ThS. Nguyễn Anh Dũng	Viện Phát triển ứng dụng	82,3	Tốt
40.	Nghiên cứu quy trình sản xuất nước rửa chén hữu cơ từ các loại trái cây như Dừa, Dứa, Chanh, Bò hòn, Đậu nành...	Nguyễn Huỳnh Thúy Nga (trưởng nhóm) Nguyễn Bảo Duy Lê Thị Yến Nhi	2124202010055 2124202010024 2124202010090	D21CNSH01 D21CNSH01 D21CNSH01	ThS. Nguyễn Vinh Hiền	Viện Phát triển ứng dụng	81	Tốt
41.	Thu nhận, phân lập và định danh tế bào gốc trung mô từ máu cuống rốn người	Trần Anh Huy	2124202010067	D21CNSH01	PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình	Viện Phát triển ứng dụng	88	Tốt
42.	Tổng hợp vật liệu khung hữu cơ-kim loại MIL-53(Al) pha tạp Zn/Fe bằng phương pháp nhiệt dung môi định hướng ứng dụng trong xử lý nước thải	Phạm Giang Quế Anh (trưởng nhóm) Nguyễn Thị Hồng Lực	2024401120034 2024401120001	D20HOHO01 D20HOHO01	PGS.TS. Phạm Đình Dũ	Viện Phát triển ứng dụng	85	Tốt
43.	Điều chế composite Zn-Fe/diatomite và ứng dụng làm chất xúc tác trong hệ phản ứng kiểu Fenton để phân hủy chất ô nhiễm hữu cơ	Nguyễn Phạm Thuý Linh (trưởng nhóm) Lê Văn Lam	2024401120049 2024401120010	D20HOHO01 D20HOHO01	PGS.TS. Phạm Đình Dũ	Viện Phát triển ứng dụng	86	Tốt
44.	Nghiên cứu hoạt tính	Nguyễn Thanh Bình	2125401010060	D21CNTP01	ThS. Lưu Huỳnh	Viện Phát	56	Đạt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	sinh học của tinh dầu lá một số giống ổi (<i>Psidium guajava</i>)	(<i>trưởng nhóm</i>) Tô Anh Tiến Trần Thị Huệ Lê Thị Kim Hằng Phan Thị Kim Hằng	2125401010087 2125401010085 2125401010079 2125401010098	D21CNTP01 D21CNTP01 D21CNTP01 D21CNTP01	Vạn Long	triển ứng dụng		
45.	Nguyên cứu quy trình tạo sản phẩm trà hòa tan từ Trà Hoa Vàng <i>Camellia langbianensis</i>	Nguyễn Trần Ái Hòa	2025401010008	D20CNTP01	TS. Nguyễn Thị Liên Thương	Viện Phát triển ứng dụng	64	Đạt
46.	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu từ hạt cây lộc vừng (<i>Barringtonia Acutangula</i> L.) để xử lý phẩm màu trong nước	Đặng Thanh Trúc	1924403010005	D19MTKT01	TS. Hoàng Lê Thụy Thùy Trang	Khoa Khoa học Quản lý	92,3	Tốt
47.	Nghiên cứu ứng dụng vật liệu điều chế từ cây xay nhung (<i>Dialium Guineense</i>) xử lý màu trong nước	Trần Thuý Duyên	1924403010028	D19MTKT01	TS. Hoàng Lê Thụy Thùy Trang	Khoa Khoa học Quản lý	93,7	Tốt
48.	Metaphors in American politics	Nguyễn Đức Thiện (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Hoài Nguyên Vũ	2022202011296 2022202011381	D20NNAN10 D20NNAN03	TS. Lâu Mộng Thu	Khoa Ngoại ngữ	62	Đạt
49.	Khảo sát khó khăn của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh trường Đại học Thủ Dầu Một khi viết báo cáo nghiên cứu	Nguyễn Văn Hữu Phúc	2022202010146	D20NNAN05	ThS. Nguyễn Thị Xuân Hồng	Khoa Ngoại ngữ	61,9	Đạt
50.	Benefits of Learning	Huỳnh Duy (<i>trưởng nhóm</i>)	2022202010098	D20NNAN01	ThS. Nguyễn Thị	Khoa Ngoại	55	Đạt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
	English Vocabulary through TikTok Application: The case of Thu Dau Mot university -English-major students	Nguyễn Quốc Thịnh	2022202010875	D20NNAN03	Xuân Hồng	ngữ		
51.	Metaphors in lyric songs	Phan Thị Thành (<i>trưởng nhóm</i>) Hồ Hồng Xuân Đào Thị Xuân Đình Gia Hân	2022202010286 2022202010009 2022202010151 2022202011068	D20NNAN02 D20NNAN02 D20NNAN02 D20NNAN02	ThS. Âu Minh Triết	Khoa Ngoại ngữ	60	Đạt
52.	Phân tích các giới từ tiếng Hán thường dùng -- Giáo trình Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2, 3 và 4 trường Đại học Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Thúy An	2122202040773	D21NNTQ07	ThS. Đoàn Văn Hào	Khoa Ngoại ngữ	69	Khá
53.	Nâng cao hiệu quả tiếp thu các kiến thức mang yếu tố văn hóa trong Giáo trình Phát Triển Hán Ngữ Tổng Hợp Sơ Cấp 1: trường hợp của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trường Đại học Thủ Dầu Một	Lê Thị Hồng Linh (<i>trưởng nhóm</i>) Nguyễn Thị Quỳnh Như Nguyễn Thị Thuý Trâm Nguyễn Quốc Sang	2122202040980 2122202041111 2122202040167 2122202041162	D21NNTQ01 D21NNTQ06 D21NNTQ06 D21NNTQ09	ThS. Đoàn Văn Hào	Khoa Ngoại ngữ	55	Đạt
54.	So sánh đối chiếu đại từ nhân xưng trong tiếng Việt và tiếng Hàn	Trịnh Hương Giang (<i>trưởng nhóm</i>) Kiều Thị Ngọc Quỳnh Đặng Thị Huyền Trang	2122202100296 2122202100083 2122202100072 2122202100305	D21NNHQ02 D21NNHQ03 D21NNHQ02 D21NNHQ01	TS. Trần Thị Thanh Hằng	Khoa Ngoại ngữ	59,3	Đạt

STT	Tên đề tài	Tên sinh viên/ Nhóm sinh viên thực hiện	MSSV	Lớp	Giảng viên hướng dẫn	Khoa	Điểm trung bình	Xếp loại
		Lê Thị Hiền						
55.	Nghiên cứu phạm trù kính ngữ trong tiếng Hàn	Phạm Ngọc Mai (<i>trưởng nhóm</i>) Đặng Thị Bảo Như Phạm Hải Yên Lê Thanh Trúc	2122202100331 2122202100350 2122202100052 2122202100180	D21NNHQ03 D21NNHQ03 D21NNHQ03 D21NNHQ03	TS. Trần Thị Thanh Hằng	Khoa Ngoại ngữ	53,6	Đạt

Danh sách này có 55 đề tài do 156 sinh viên thực hiện.

